

## HIỆN TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG CẢI THIỆN NHÀ Ở, MỨC SỐNG, MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ - TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN QUANG VINH \*

### Dẫn nhập

Như một chủ đề quan trọng của nghiên cứu phát triển, tình trạng nghèo khổ nói chung và vấn đề người nghèo đô thị nói riêng từ hạt đã trở thành mối quan tâm của giới khoa học nhiều nước trên thế giới. Tại Việt nam, việc nghiên cứu về hiện tượng nghèo khổ ở nông thôn và đô thị chỉ mới được triển khai tương đối có hệ thống trong vòng 10 năm trở lại đây. Điều này phù hợp với nhu cầu nhận biết về động thái của sự phân tầng xã hội dưới tác động của sự chuyển đổi nền kinh tế, làm cơ sở cho việc xác lập thích đáng các chính sách xã hội trong điều kiện kinh tế xã hội mới. Mục tiêu chiến lược xây dựng một quốc gia "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và van minh", cũng như cuộc vận động "Xóa đói, giảm nghèo", đều có nhu cầu nhận biết hiện trạng và các nguyên nhân của tình trạng nghèo khổ ở nông thôn và đô thị.

Đường lối công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đang có tác động sâu sắc tới tiến trình đô thị hóa, qui hoạch phát triển các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn nhất. Trong bối cảnh đó, vấn đề "người nghèo đô thị" trở thành một chủ đề quan trọng cần xử lý để bảo đảm cho sự phát triển bền vững, đặc biệt ở các khía cạnh kinh tế, xã hội, nhân văn môi trường và qui hoạch đô thị.

Tuy tỷ lệ cư dân đô thị so với dân số không cao lắm (khoảng 20% ), nhưng các đô thị của Việt Nam đang là những khu vực động lực kinh tế mạnh mẽ của đất nước. Riêng TPHCM, vào năm 1993, mặc dầu chỉ chiếm 0,6% diện tích cả nước, 6,5% dân số, 5,7% lao động đang làm việc của Việt nam, nhưng đang tạo ra 18,2% tổng thu nhập quốc nội (GDP). 31,3% tổng sản lượng công nghiệp. 31,5% tổng sản lượng ngành vận tải - bưu điện và 1/3 giá trị thương mại cả nước. Dân số đô thị TPHCM chiếm 22,7% tổng dân số đô thị cả nước.

Nhưng con đường đô thị hóa ở TP.HCM đã diễn ra với rất nhiều mâu thuẫn và thảng thối - nhất là dưới tác động của chính sách "đô thị hóa cưỡng bức" trong giai đoạn chiến tranh 1965-1975). Quá trình giải đô thị hóa (de - urbanization) và sau đó là tiếp tục đô thị hóa trong một hiệp mới ở giai đoạn sau 1975, cũng để lại những dấu ấn đầy mâu thuẫn - tích cực chen lẫn tiêu cực - đòi hỏi phải được xử lý thận trọng trong khuôn khổ của một quy hoạch tổng thể ngày càng được hoàn thiện và chi tiết hóa nhằm phát triển đô thị này tới năm 2000 và các năm tiếp theo.

Chính là trong một bối cảnh lịch sử đặc thù như vậy mà vấn đề dân nghèo đô thị và

---

\* Chuyên viên Xã hội học. Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, chủ trì nhánh điều tra, nghiên cứu Xã hội học về thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài khoa học về nhà ở người nghèo đô thị do Giáo sư Trương Lai làm chủ nhiệm.

nhà ở đô thị xứng đáng trở thành một chủ đề nghiên cứu nghiêm túc và có hệ thống của giới học thuật. Chương trình nghiên cứu "Hiện trạng và triển vọng cải thiện nhà ở, môi trường sống của người nghèo đô thị - Trường hợp TPHCM" là một cố gắng bước đầu của các nhà xã hội học theo chiều hướng đó.

### **A- Những đặc điểm quần cư đô thị ở thành phố Hồ Chí Minh và các con đường tiếp cận vấn đề người nghèo đô thị.**

#### **I. NHÌN LẠI LỊCH SỬ CỦA CÁC KHU VỰC DÂN NGHÈO ĐÔ THỊ TPHCM ĐỂ XÁC LẬP ĐÚNG CÁC HƯỚNG KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG.**

1- Mỗi đô thị đều có một lịch sử tiến hóa với dáng nét riêng. Do đó, khuôn dạng hiện nay của cơ cấu xã hội đô thị cũng như mức sống và lối sống của mỗi thành tố trong cơ cấu đó không thể không bảo lưu những dấu ấn lịch sử đặc thù mà các thế hệ dân cư đã trải qua. Trên một ý nghĩa nào đó mà nói, thì "ký ức" của đô thị vẫn còn luôn luôn tượng hình lên trong cung cách tổ chức không gian đô thị, trong sự phân bố các quần cư, trong sự phân hóa mức sống và trong nền văn hóa hoạt động của các nhóm xã hội đô thị khác nhau... Vì quan niệm vấn đề như vậy, nên chúng tôi thấy cần thiết phải hướng một cái nhìn lịch sử tổng quát vào đời sống của Sài Gòn - TPHCM, vào quá trình hình thành và biến đổi của khu vực dân nghèo của đô thị này, để giúp cho việc xác lập các hướng khảo sát có thể đi đúng vào các đặc điểm quan trọng nhất của đối tượng.

2- Các nghiên cứu và khảo sát của nhóm chúng tôi cho phép nêu lên ở đây ít nhất năm đặc điểm lịch sử của quần cư đô thị Sài Gòn - TPHCM :

2-1. *Trước hết*, đây là một đô thị trẻ ra đời cách đây hơn 200 năm trên một vùng đất khai phá muộn so với tiến trình lịch sử lâu dài của nhiều vùng sinh tụ cổ của người Việt phải lưu vực sông Hồng. Cơ cấu cư dân Sài Gòn, do đó, là sự tụ hội của nhiều dòng di dân đơn từ mọi vùng của đất nước. Thành phố này khá quen thuộc với hiện tượng di dân đi và đến; năng lực hội nhập khá năng động và nhanh chóng. Sài Gòn có một hạt nhân đô thị lớn, mật độ cao, với một người vì nông thôn nhỏ bé về mật dân số, dường như chưa khi nào chạy ra ngoài cơ cấu 7/3. Trong tình hình đó, các địa bàn gọi là "vùng ven nội" (giáp ranh giữa trung tâm nội thành và các huyện đích thực ngoài thành) luôn luôn có sự biến động theo hướng "nội thành hóa". Và tiến trình này, trong nhiều "hiệp" trước 1975, đã không diễn ra triệt để (nhất là về mặt quy hoạch), cho nên thường để lại những lổm quần cư và nhà ở rất nghèo nàn ngay trong nội thành. Nội thành thành phố càng vươn vai ra, thì cái quy trình vừa nói lại có thể được lặp là nhiều lần. Gần đây, với chương trình phát triển đô thị Sài Gòn, một số nhà quan sát cho rằng vùng quận VIII ven nội sẽ nhanh chóng gia nhập vào vùng nội thành mới, kéo theo nó một loạt vùng quần cư nghèo của quận này (hiện còn chưa thấy rõ lắm khả năng được giảm nghèo nhanh).

2-2. *Đặc điểm thứ hai* là TPHCM chịu tác động rất sâu của tiến trình "đô thị hóa cưỡng bức" trong cuộc chiến tranh của Mỹ, sau đó tiến trình giải đô thị hóa sau 1975, và hiện nay là một đợt hấp dẫn mới, cuốn hút nhập cư tự phát, dưới tác động của nền kinh tế thị trường.

Có thể nói đến bốn luồng "nhập và xuất" chủ yếu trong vòng hơn 3 thập niên qua:

2-2-1. *Nhập* : Giai đoạn 1965-1975 chứng kiến một luồng dân nhập cư từ các vùng thị tứ và nông thôn "bất an" do chiến tranh, kèm theo đó là sức hút của các cơ may kiếm sống trong một đô thị có viện trợ thương mại hóa ồ ạt của Mỹ. Hàng loạt khu nhà ở chuột, khu

"tạm cư" (nhưng kéo dài cả mấy chục năm sau) chính là đã được hình thành từ hồi ấy trong lòng đô thị Sài Gòn. Nhiều đám cháy lớn (có chủ đích) thời đó để "giải tỏa" cũng không đẩy được dân các xóm nghèo đi xa ra phía ngoại vi.

2-2-2. *Xuất:* Sau 1975 (1975-1978), cuộc giải đô thị hóa đã tạo ra sự chuyển cư của khoảng 800.000 dân ra khỏi Sài Gòn. Một số không nhỏ cư dân gốc nông thôn trở về quê cũ lập nghiệp êm thấm. Một số lượng lớn hơn, bao gồm nhiều thị dân nghèo, đi về các vùng "kinh tế mới" (theo tổ chức chặt chẽ) để khai phá các vùng đất mới, và để làm giảm bớt mật độ quá cao của một đô thị xem chừng đã bị quá tải về mặt kết cấu hạ tầng và nhà ở. Tuy nhiên, sau giai đoạn biến dân này, dọc các kênh rạch thành phố vẫn còn 1.000.000 km nhà lụp xụp của dân nghèo đô thị. (Theo nhận xét của UNDP).

2-2-3. *Nhập:* Sau đó là cuộc trở về lại TPHCM, đáng lẽ những dai dẳng khoảng ít nhất trên 1/2 dân số đã đi "kinh tế mới", vì tại những nơi đó, bà con không tổ chức có hiệu quả công cuộc mưu sinh và gặp khó khăn về nhiều mặt (kể cả một số khu kinh tế mới bị các cuộc tập kích ở biên giới phía Tây nam từ năm 1979 ảnh hưởng tới một cách nặng nề). Một phần của số bà con quay về đã tới định cư tại nơi ở cũ (nếu gia đình họ chỉ có một số thành viên đi tới vùng kinh tế mới); phần đông còn lại tìm cách định cư tại các vùng đất công trồng trái, tại ven các là kênh rạch, nhánh sông trong thành phố, tạo nên các khu nhà lụp xụp mới. Số bà con nói tới sáu này phần đông bị sa sút về mức sống và nhất là về chất lượng nhà ở, môi trường TPHCM, sau nhiều năm cân nhắc, đã làm thủ tục hộ khẩu cho đông đảo số bà con trở về này đã họ có điều kiện thuận lợi hơn về mặt quy chế hành chính trong làm ăn, buôn bán, chăm sóc y tế, học hành cho con cái v.v... Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận dân "kinh tế mới" trở về hiện không có hộ khẩu tạm trú hoặc thường trú.

2-2-4. *Nhập:* Sau 1986, với chính sách đổi mới kinh tế, hoạt động sản xuất buôn bán, dịch vụ - cả ở khu vực chính thức và khu vực không chính thức - trong TPHCM đều có khởi sắc rõ rệt. Một số chuyên gia giỏi và doanh nhân từ các địa phương đã được hút về đây. Đặc biệt, các lĩnh vực xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà ở đã mở ra một nhánh thị trường sức lao động nhộn nhịp. Lĩnh vực may mặc gia công quy mô nhỏ, kinh doanh ăn uống - nhà hàng, lĩnh vực sản xuất đồ mộc gia dụng, và sẵn sàng thu hút nguồn lao động giá rẻ từ các nguồn đem lại. Trong bối cảnh đó, một luồng dân nhập cư tự phát để tìm việc làm đã lớn dần lên. Đó là chưa kể thành phố này còn đón nhận một bộ phận *bộ đội*, thanh niên xung phong quê Sài Gòn giải ngũ. Một bộ phận người về hưu từ nhiều miền trong nước cũng lấy TPHCM làm nơi cư trú và an dưỡng cuối đời... Từ 4 năm trở lại đây, trong thống kê dân số hàng năm, *tỷ lệ tăng dân số cơ học đã vượt quá tỷ lệ tăng tự nhiên* <sup>(1)</sup>. Sự căng thẳng về nhu cầu nhà ở, về việc làm, cũng như sự quá tải về kết cấu hạ tầng đô thị, lại một lần nữa thách thức công cuộc tổ chức đời sống của thành phố.

2-3. *Đặc điểm thứ ba* là cơ cấu tộc người và cách thức phân bố các quần cư tộc người trong thành phố. Hai thành phần tộc người đông đảo nhất ở TPHCM là người Việt và người Hoa. Cuộc tổng điều tra dân số 1989 cho biết các tỷ lệ sau đây trong cơ cấu tộc người của dân cư thành phố này:

Người Việt : 86,4%; Người Hoa: 13,3%; Người Khome : 0,13%; Các tộc người khác: 0,17%.

Tới nay, cơ cấu này vẫn không có gì thay đổi lớn. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là người Hoa cư trú ở các thành phố HCM tương đối tập trung cao độ lần lượt tại các quận XI, V, VI,

<sup>(1)</sup> . Năm 1993, tỉ lệ tăng dân số của thành phố Hồ Chí Minh 3,52%, trong đó tăng tự nhiên là 1,58%, tăng cơ học là 1,94%.

VIII, III, X và sống xen kẽ với người Việt ở các quận nội thành khác.

2-4. *Đặc điểm thứ tư* là việc tổ chức các quần cư trong nội thành TPHCM gắn liền với đặc điểm địa lý - địa chất của một vùng ven sông với hệ thống kênh rạch chằng chịt, và các khu vực đất sinh lầy hoặc không có kết cấu bền vững. Những khu nhà ở lụp xụp nhất của dân nghèo đô thị ở thành phố này thường được tạo lập nương theo các kênh rạch (đã lâu không được nạo vét) hoặc các khu sinh lầy được gia cố lần lần trong nhiều năm.

Có thể nói, các khu nghĩa trang cũ đã được giải tỏa, nhưng chưa được Nhà nước sử dụng, nên bà con cắm đất lập nhà trong điều kiện thiếu nhà ở, vì không thể có tiền sang nhà, sang đất với giá cao tại các địa điểm khác trong thành phố (ví dụ thu nghĩa trang Bình Hòa cũ, thuộc p. 12, quận Bình Thạnh).

2-5. *Đặc điểm thứ năm*: Riêng về mối quan hệ giữa các khu vực kinh tế và cơ cấu thị trường đô thị, thì đặc điểm nổi bật của các quần cư dân nghèo là gắn bó mật thiết với *khu vực kinh tế chính thức* (economic informal) <sup>(1)</sup>. Tuy vậy, khu vực phi chính thức không hề tách rời với tổng thể đời sống kinh tế đô thị, trái lại luôn luôn có một mối tương tác năng động giữa chúng với nhau. Vì vậy, có thể thấy phần nào hiện tượng "nước lên thì thuyền cũng lên" trong mối quan hệ giữa đời sống kinh tế của dân nghèo (trong khu vực phi chính thức) với đời sống kinh tế chung của cả thành phố đó là chưa kể, cái "van xú páp" kinh tế khu vực phi chính thức, vốn đóng mở rất linh hoạt, có thể hỗ trợ tích cực cho đời sống chung của đô thị về các mặt hàng bình dân và dịch vụ đơn giản, đồng thời, lại là nơi có khả năng "hấp thụ" - tạm thời hoặc dài hạn - những nhóm dân cư còn có năng lực lao động nhưng gặp trắc trở đối với các khu vực khác của nền kinh tế

Riêng về thị trường nhà-đất, nhiều người nghĩ rằng các yếu tố thị trường chắc là có phần xa lạ đối với các khu vực nhà ở của người nghèo đô thị, song, trên thực tế, việc mua bán, sang nhượng, trao đổi, cho thuê nhà, đất đã hiện diện từ lâu ở khu vực này và hiện vẫn đang tiếp diễn, dù rằng chỉ ở những quy mô nhỏ và phần lớn là diễn ra bên ngoài các hành lang hành chính - pháp lý chính thức.

Điều này cũng lý giải vì sao khu vực nhà ở cho người nghèo có thể hoạt động như một thứ bọt bèo : "nhả ra" những người khấm khá lên, sang nhượng nhà để đi tìm nơi ở tiện nghi hơn, đồng thời "hút vào" những cư dân nghèo, mới tới từ bên ngoài thành phố qua các cuộc di dân tự phát, hoặc từ các đường phố nội thành (đối với những người người sa sút, phải tìm một chỗ ở kém hơn) Cuộc chuyên khảo của chúng tôi tại Xóm Ma (quận Bình Thạnh) đầu năm 1994 đã cho phép ghi nhận những hiện tượng vừa nói.

Tóm lại, việc nhìn nhận vào 5 đặc điểm quần cư TPHCM (mà chúng tôi vừa thử gợi lên) có thể được coi là một bước chuẩn bị về mặt *phương pháp luận* để xác lập đúng các hướng khảo sát, cũng như các khu vực nên được chọn để khảo sát trong chương trình điều tra về nhà ở, mức sống và môi trường của người nghèo đô thị TPHCM

## II. MỘT SỐ GIẢ THUYẾT CÔNG TÁC CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU

### 1. Mức thu nhập là một chỉ tiêu hàng đầu để xác lập mức sống của người nghèo đô

<sup>(1)</sup> Tuy còn có những cách hiểu khác nhau, song nhiều tác giả trong và ngoài nước đã nhấn mạnh đến tính chất chung nhất của khu vực kinh tế này, như tổ chức lao động quốc tế (ILO) đã thử tổng kết: Dễ thâm nhập; Dựa vào các nguồn lực tại chỗ; Doanh nghiệp thường thuộc sở hữu gia đình; Quy mô nhỏ; Sử dụng nhiều sức lao động; Các kỹ năng của người lao động thường đạt được các nguồn đào tạo không chính thức. Tại thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 1994. Phó tiến sỹ Bạch Văn Bảy. Viện trưởng Viện Kinh tế thành phố đã hoàn thành một công trình rất lý thú về chủ đề này trên hiện thực của thành phố Hồ Chí Minh.

thị, song các biến số về trạng thái nhà ở, môi trường, độ ổn định của việc làm, mức độ hưởng dụng các dịch vụ cơ bản có khả năng hỗ trợ cho việc vẽ lên đường viền tinh tế hơn về "mức sống" (được hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất trong hoàn cảnh khu vực xã hội đặc thù này).

2. Mức sống của người nghèo đô thị gắn liền với sự đa dạng, tính cơ động và cả tính bất trắc của "khu vực phi chính thức" trong nền kinh tế thành phố.

3. Nét độc đáo của cơ cấu lao động các hộ gia đình dân nghèo đô thị là phụ nữ cùng với trẻ em dưới tuổi lao động và trong tuổi đi học đang là một nguồn tạo thu nhập đáng kể.

4. Trong trạng thái hiện nay của nền kinh tế thị trường và của cơ chế cung-cầu nhà, đất đô thị, nhóm dân nghèo đô thị đang gặp thách thức nghiêm trọng trước nguy cơ bị "ngoại biên hóa" về mặt hưởng dụng phúc lợi nhà ở.

5. Các hộ gia đình và các cộng đồng dân nghèo đô thị TPHCM đang tiềm tàng nhiều nội lực tại chỗ tự cải thiện điều kiện sinh sống và cư trú của mình; chúng sẽ được hiện thực hóa đầy đủ nếu kết hợp được với hoạt động "tạo điều kiện thuận lợi" có trọng điểm của Nhà nước.

6. Có một sự phân hóa đáng kể về phong cách tiêu dùng, trang bị và mức độ đầu tư cải thiện nhà ở giữa các nhóm hộ khác nhau về nghề nghiệp-xã hội. <sup>(1)</sup>

### III. MẪU ĐIỀU TRA CÁC BIẾN SỐ CHÍNH ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ KHẢO SÁT VÀ PHÂN TÍCH.

1. Về cách thân mẫu: Người nghèo đô thị ở TPHCM không tập trung co cụm lại ở riêng một quận nào trong thành phố. Tuy vậy, nếu lấy nền tảng là đặc điểm dân cư, lao động, các hoạt động kinh tế của các *cụm quận đặc trưng* thì có nhiều triển vọng phát hiện các nhóm dân nghèo đô thị khác nhau, phân bố tại các cụm quận có đặc trưng khác nhau đó. Vì vậy chúng tôi đi xác lập 3 *cụm quận nền*, làm địa bàn khảo sát. Đó là:

- *Cụm quận A*: gồm 3 quận ở trung tâm thành phố, phân bố từ Đông sang Tây là nơi có các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ quan trọng của người Việt và người Hoa, mật độ dân số cao; tồn tại ngay sát bên những đường phố khang trang là các "lõm nghèo" nghiêm trọng. Đó là các quận I, III và XI.

*Cụm quận B*: gồm 2 quận có hoạt động kinh tế tương đối chưa phát triển cao lắm, mật độ dân số thưa, còn tồn tại những khu dân cư rất nghèo. Các quận này nằm ở phía Bắc và Đông Bắc của thành phố. Đó là các quận Bình Thạnh và Phú Nhuận.

- *Cụm quận C*: gồm hai quận thuộc vùng ven phía Nam - Đông Nam và Nam-Tây Nam thành phố, với các hoạt động kinh tế trong khu vực phi chính thức rất đa dạng. Dân nghèo đô thị đông đảo. chất lượng nhà ở, dịch vụ cơ bản và môi trường sống ở mức thấp kém. Đó là Quận IV và Quận VIII.

Trên cơ sở xác định các cụm Quận nền nói trên, chúng tôi thảo luận với các chuyên viên ở Sở nhà đất và ty tâm nhân dân các quận hữu quan được xác định ở mỗi quận một phường tiêu biểu cho sự quần cư của người nghèo đô thị và cho đặc điểm nhà ở của bà con nghèo trong quận.

Sau đó, chúng tôi làm việc với từng phường điểm đã được xác định để lựa chọn *các khu phố và tổ dân phố tiêu biểu* cho chủ đề đang xét. Phối hợp với các tổ trưởng dân phố hữu quan, chúng tôi cùng lên danh sách toàn bộ các hộ trong từng tổ. với 11 yếu tố (Họ tên

<sup>(1)</sup>. Thuật ngữ "nghề nghiệp - xã hội" sử dụng trong công trình này lấy chuẩn là khu vực hoạt động trong hay ngoài định chế Nhà nước của các lao động trong hộ gia đình. Như vậy, sẽ có 3 loại hộ khác nhau về "nghề nghiệp - xã hội": hộ thuần công nhân viên chức Nhà nước, hộ thuần lao động ngoài Nhà nước, hộ hỗn hợp.

chủ hộ/giới tính/địa chỉ/tình trạng hộ khẩu/số nhân khẩu thường xuyên/diện tích nhà ở trên đầu người/tính chất căn nhà (hoặc căn hộ)/ước lượng bình quân thu nhập đầu người/tháng/trang bị ti vi màu (nếu có)/tạm xếp loại hộ (nghèo, trung bình, khá giả)/và gia đình có cán bộ, công nhân viên ăn lương Nhà nước hay không). Trên cơ sở toàn bộ các bản danh sách chi tiết này, chúng tôi chọn ra 747 bộ nghèo để đưa vào điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi.

Bảng 1 : Quy mô mẫu điều tra

Đơn vị : hộ

Số lượng hộ điều tra	(1) Cụm Quận A			(2) Cụm Quận B		(3) Cụm Quận C	
	Quận 1	quận XI	Quận III	Quận Bình Thạnh	Quận Phú nhuận	Quận IV	Quận VIII
Quy mô mẫu	106	59	73	51	100	160	198
Tổng cộng theo cụm Quận	238			151		358	

Một bảng hỏi, với 39 câu hỏi đã được sử dụng để thu thập thông tin một cách có hệ thống.

2. Trong thiết kế bảng hỏi và hướng dẫn xử lý số liệu, các biến số định lượng hoặc định tính chủ yếu sau đây để được sử dụng để khảo sát và phân tích:

Thu nhập đầu nhập bình quân hộ/tháng; thu nhập bình quân đầu người/tháng)

Chi tiêu (bình quân hộ và đầu người/tháng)

Chênh lệch giữa thu nhập và chi tiêu

Sự phân bố cư trú tại các cụm Quận.

Nghề nghiệp - xã hội của các hộ gia đình

Mức độ thụ hưởng các dịch vụ đô thị cơ bản

Tình trạng nhà ở và môi trường

Ngoài ra, có lưu ý tới thời điểm hộ gia đình dọn đến nơi ở hiện nay, tình hình đi "kinh tế mới", số trẻ em trong tuổi không đến trường, cũng như tình trạng sức khỏe của các thành viên hộ gia đình v.v.. biến số về tộc người cũng đã được sử dụng để phân tích một số nhánh thông tin có liên quan trực tiếp đến phong cách hoạt động mưu sinh và tổ chức nơi ở.

**B. Một số kết quả chủ yếu thu được từ cuộc điều tra**

**1. CHÂN DUNG XÃ HỘI CỦA DÂN CƯ, LAO ĐỘNG KHU VỰC NHÀ Ở NGƯỜI NGHÈO KHU VỰC NỘI THÀNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1 . Phân bố các dạng nhà đang cư trú và phân bố mức độ tham dự các khu vực kinh tế của dân nghèo đô thị qua mẫu điều tra.

1-1 TPHCM bao gồm 12 quận nội thành (với 182 phường) và 6 huyện ngoại thành (với 100 xã) Diện tích nội thành chỉ chiếm 6,8% tổng diện tích toàn thành phố nhưng dân số nội thành chiếm tới 71% dân cư toàn thành phố. Theo Niên Giám Thống kê TPHCM năm

1993, dân số nội thành là 3.253.383 người, so với tổng dân số thành phố là 4.582.230 người.

Có sự cách biệt rất cao về mật độ dân số giữa nội thành (23188 người/km<sup>2</sup>) và ngoại thành (693 người/km<sup>2</sup>). Ngay trong nội thành, có những khu phố đông dân nghèo, mật độ dân số lên tới 65.210 người/km<sup>2</sup> (khu phố 4, phường 6, quận IV), hoặc thậm chí tới 87.039 người/km<sup>2</sup> (khu phố 6, phường Tân định, quận I). Cả hai địa bàn này đều nằm lọt trong mẫu điều tra của chúng tôi.

Theo số liệu thống kê của Sở nhà đất phối hợp với Cục thống kê TPHCM công bố đầu năm 1994, thì hiện nay TP. HCM còn tồn tại 7.000 căn nhà lụp xụp rách nát ở nội thành, trong đó số nhà nằm ven hoặc trên kênh rạch là 24.000 căn. Tổng số đit dân nghèo sống trong các khu nhà lụp xụp nay là 300.000 người, chiếm 9,22%, dân số nội thành. Thực ra, đây mới chỉ là số dân nghèo được ước lượng đang sống trong những căn nhà lụp xụp rách nát. Theo chúng tôi, đứng ở góc độ nghiên cứu người nghèo và nhà ở của người nghèo đô thị, thì còn cần phải đưa vào số liệu tổng hợp này số dân cư nghèo là công nhân, vẫn thức Nhà nước có thu nhập thấp đang không có nhà ở ổn định (con số này được Liên đoàn lao động TPHCM ước lượng là 75.000 người), hoặc đang phải thuê những căn hộ chung cư quá xuống cấp. Do là chưa kể số cư dân vẫn tiếp tục lập nhà-lều mới tại các khu đất do dân nghèo tự động sang nhượng cho nhau chưa thống kê hết; hoặc số sinh viên tỉnh xa về TPHCM học dài ngày, không ở ký túc xá hiện đang thuê giường (trà theo giá mỗi giường những từ 50.000 đ đến 1(-50.000 đ v.v.. Chúng tôi cho rằng, nếu đưa số người nghèo nội đô, có điều kiện ở đặc biệt khó khăn, lên đến con số 500.000 người (chiếm 15,4% cư dân nội thành), thì sẽ phản ánh sát hơn thực trạng.

1-2. Riêng trong mẫu điều tra tấn này, sự phân bố các nhà mà dân nghèo đang cư trú là như sau :

- 58,2% ở nhà tranh, tre, nứa lá.
- 33,6% ở loại nhà tạm gọi là "bán kiên cố"
- 3,3% ở nhà chung cư có lầu.
- 0 7% ở nhà quay ra mặt phố nhỏ.
- 4,0% ở các loại nhà khác (bao gồm cả chung cư hoặc nhà tập thể không lầu).

Bảng II: *Loại nhà ở của người nghèo, phân theo cụm Quận*

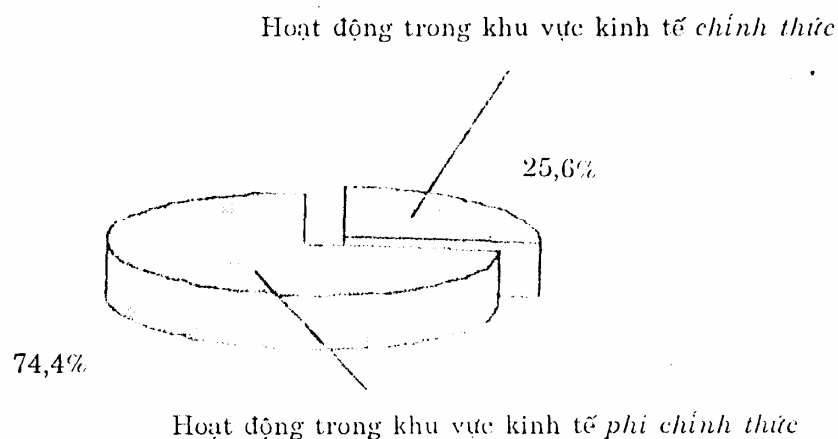
Đơn vị: hộ - %

Loại nhà	Toàn Bộ mẫu	(2) Các cụm Quận		
		(1) Cụm A (a)	Cụm B (b)	Cụm C (c)
1. Chung cư có lầu	25 3,3		21 14,0	4 1,1
2. Mặt phố	5 0,7	1 0,4	1 0,7	3 0,8
3. Bán kiên cố	252 33,6	90 37,8	42 28,0	120 33,2
4. Tranh, tre	436 58,2	139 58,4	85 56,7	212 58,7
5. Khác	30 4,0	8 3,4	1 0,7	212 5,8

Xem như vậy, có thể thấy giữa các cụm quận không có sự sai biệt đáng kể về tỷ lệ nhà tranh tre rất cao (gần 3/5 tổng số), song ở các quận trung tâm, tỷ lệ nhà bán kiên cố có nhích cao hơn đôi chút so với mức bình quân.

1.3. Có thể thay ngày sự gắn bó của cộng đồng dân nghèo đối với các hoạt động hoạt khu vực kinh tế phi chính thức của thành phố.

Biểu đồ A: Cơ cấu lao động trong tuổi. gắn bó với khu vực kinh tế phi chính thức.



Chỉ tính những người trong tuổi lao động làm việc (được điều tra đã có đến 74,4% là hoạt động buôn bán lật vặt, thợ hồ, xích lô, bốc vác, làm thuê, bán đồ ăn uống bình dân, vé số v.v.. trong khu vực phi chính thức. Bên cạnh đã, có 4,3% lao động, trong tuổi đang làm nhân viên thì nhà nước hoặc cơ sở tư nhân 21,3% lao động trong các cơ sở công nghiệp, TTCN nhỏ, phần lớn là từ tổ chức hoặc hùn hạp).

Đó là chưa để trung các hộ thuộc mẫu điều tra còn có 151 người dưới hoặc trên tuổi lao động - vẫn đang hoạt động tạo thu nhập, hầu như hoàn toàn trong khu vực phi chính thức (tương ứng với 8% lực lượng lao động trong tuổi đang có việc làm).

## 2- NGUỒN GỐC CƯ DÂN KHU VỰC NGƯỜI NGHÈO ĐO THỊ ĐƯỢC ĐIỀU TRA CÁC BIẾN ĐỘNG TRONG DI DÂN VÀ TRONG TỔ CHỨC QUẦN CƯ.

Chúng tôi dự khảo sát vấn đề này thông qua sự di động đến Sài Gòn của bản thân người được hỏi chuyện có phải sinh ra ở Sài Gòn không? Nếu không, đã đến Sài Gòn khoảng thời gian nào) đồng thời tìm hiểu xem gia đình đang được khảo sát đã đến vùng nhà ở của người nghèo này vào thời gian nào. Hướng khảo sát thứ hai này rất quan trọng, vì nó sẽ cho thấy cơ cấu của cư dân các khu vực nhà ở người nghèo biến động ít sao, và hơn nữa sự nhập cư vào khu vực khảo sát đã diễn ra dày đặc ở thời điểm nào?

2-1. Về sự di động đất Sài Gòn của 747 người được hỏi, kết quả điều tra cho thấy khoảng hơn một nửa tổng số (56,2%) là sinh ra tại Sài Gòn, còn lại 43,8% là đến Sài Gòn (lần đầu) ở một trong nhiều chặng thời gian, từ trước 1995 cho tới gần đây nhất. Thông tin này cần được xem xét một cách thận trọng, và không nên suy diễn thẳng từ đó để tìm ra quá trình nhập cư của các gia đình nghèo vào Sài Gòn trong nhiều thập niên qua. (Sở dĩ như vậy là vì những người được hỏi thuộc về nhiều thể hệ khác nhau, có người khá trẻ, và do



đó tuy bản thân "sinh ra tại Sài Gòn" nhưng có khi ông bà, hoặc cha mẹ họ là di dân chiến tranh nhập cư vào Sài Gòn khi họ chưa ra đời). Dù sao thì thông tin này cũng có ý nghĩa đáng kể, vì chỉ ít nó cho thấy trong cơ cấu những người được phỏng vấn cũng có đến gần một nửa là người tự thân trực tiếp nhập cư vào Sài Gòn. Và có tới 42,2% trong tổng số những người bản thân trực tiếp nhập cư này đã đến sống ở Sài Gòn vào giai đoạn 1995-1975, là giai đoạn chiến tranh ác liệt và đô thị hóa ngày càng ráo riết dưới áp lực của chiến tranh nóng. (Xem thêm bảng III).

Bảng III : *Bản thân người được hỏi đã đến Sài Gòn (lần đầu) vào thời điểm nào?*<sup>1</sup>

Đơn vị : người - %

Thời điểm đến sống ở Sài Gòn (lần đầu)	(1) Toàn bộ người được hỏi	(2) Người được hỏi phân theo cụm Quận		
		Cụm A (a)	Cụm B (b)	Cụm C (c)
1. Bản thân sinh tại Sài Gòn	420 56,2	107 45,0	86 57,7	227 63,1
2. Đến trước 1955	143 19,1	50 21,0	28 18,8	65 18,1
3. Đến trong giai đoạn 1955-1965	86 11,5	37 15,5	17 11,4	32 8,9
4. Đến trong giai đoạn 1966-1975	52 7,0	20 8,4	9 6,0	23 6,4
5. Đến trong giai đoạn 1976-1985	27 3,6	12 5,0	5 3,4	10 2,8
6. Đến trong giai đoạn 1986-1994	19 2,5	12 5,0	4 2,7	3 0,8

Qua bảng III, người ta còn có thể thấy rõ là các quận trung tâm có xu hướng hút mạnh những người nhập cư hơn các cụm quận còn lại. Quận IV và quận VIII ở vùng ven phía Nam thành phố, dân nghèo cổ cựu ở Sài Gòn có cơ cấu đông hơn và sự tiếp nhận người mới tới trong 40 năm qua cũng với tỷ trọng thấp hơn các quận phía trung tâm và phía Bắc thành phố.

Ngoài ra, cũng cần chú ý rằng khu vực dân nghèo ở cụm quận trung tâm, sau bao nhiêu biến đổi từ năm 1975 đến nay, vẫn còn đọng lại 10% (những người được hỏi) là dân mới nhập cư từ sau giải phóng (trong đó, 50% của số này chỉ mới nhập cư từ 1986 đến nay), Cuộc điều tra cho thấy 44,3% nhóm tự thân nhập cư đã từ đồng bằng sông Cửu Long;

<sup>1</sup> Sở dĩ có chữ "lần đầu" để khỏi lẫn với các trường hợp đi "kinh tế" trở về, hoặc xuất - nhập nhiều lần do các lý do khác.

21,3% đến từ miền trung, 14% đến từ miền Bắc, 9,6% đến từ Đông nam bộ và 10,8% là hồi cư từ Thái lan, Campuchia hoặc từ Trung Quốc đến lễ tề trong các đợt khác nhau.

2-2. Một phát hiện đáng chú ý của cuộc điều tra là tính biến động cao về dân cư của vùng nhà ở dân nghèo được khảo sát. Khảo sát toàn bộ những gia đình được phỏng vấn, nhóm nghiên cứu thấy chỉ có 48% gia đình đón sống tại đây từ 1975 trở về trước, còn tới gần 52% số gia đình (được hỏi) chỉ mới đến sống tại các vùng nhà lụp xụp này từ 1976 đến nay. Có thể giả thuật rằng luôn luôn diễn ra một quá trình đi tìm nơi cư trú của các hộ nghèo, và các địa bàn này là nơi thuận tiện hơn cả để đón nhận hộ đến - đến như một hộ bổ sung, hoặc đến như một hộ thay thế (thông qua sang nhượng) cho một hộ cố cựu ra đi vì những lý do khác nhau (trong đó không loại trừ những hộ ra đi để góp phần “khai phá” một vùng lụp xụp mới) Số hộ mới đến đông đảo nhất sau 1975 tập trung với tỷ lệ cao hơn ở cụm Quận B (Vùng phú nhuận, Bình thanh dân thừa, còn đất trồng) và ở cụm quận A (gần các trung tâm, dễ làm ăn kiếm sống bằng các dịch vụ, tạp vụ đô thị đơn giản).

2-3. Sự biến động về dân cư, lao động, cơ cấu gia đình của khu vực người nghèo đô thị trong 20 năm trở lại đây còn chịu tác động của vấn đề đi xây dựng các vùng *kinh tế mới*.

Kinh nghiệm đi kinh tế mới đã được 27,7% số gia đình (được điều tra) từng trải qua, và nay họ đã quay lại thành phố; 71% đã trở về trong thời gian từ 1978 đến 1982; 11,6% trở về từ 1986-1991. Bình quân số năm sống tại vùng kinh tế mới là 4,5 năm. Khi trở về, những hộ này có một tỷ lệ hiện sống tại các căn nhà ở ven hoặc trên kênh rạch cao hơn là tỷ lệ tương ứng ở số hộ gia đình chưa từng đi kinh tế mới.

Dấu tích của các di động về dân cư ở khu vực nhà ở dân nghèo đô thị còn in lại đậm nét ở một biến số khác: đó là *trạng đăng ký hộ khẩu chính thức* của các hộ dân trong khu vực khảo sát. Nói chung toàn cộng đồng (mẫu), vẫn còn 18,8% số hộ chưa có hoặc có đủ hộ khẩu thường trú cho mọi thành viên. Trong khi đó, tỷ lệ này ở số hộ có đi kinh tế mới trở về lên tới 28,6% (trong đó 21,8% hoàn toàn chưa có hộ khẩu thường trú). Ở nhóm hộ mới dời đến định cư tại khu vực này trong khoảng từ 1986-1994, tỷ lệ đó lên tới 39,4%.

Ngoài ra, còn một nét độc đáo nữa là có tới 26% số hộ mới tới định cư trong giai đoạn 1986-1994 vẫn còn để hộ khẩu thường trú ở một địa chỉ khác trong thành phố. Đó là chỉ báo về một dòng di chuyển nơi cư trú ngay trong nội thành phố, theo hướng muốn thay đổi hoặc nới rộng không gian cư trú theo kiểu người nghèo, bằng cách tìm về những địa bàn nhà ở rẻ tiền, lụp xụp.

### 3- CƠ CẤU NHÂN KHẨU HỌC. CƠ CẤU HỌC VẤN CỦA DÂN NGHÈO ĐÔ THỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

3-1. Cơ cấu nhóm chủ hộ (hoặc vợ, chồng chủ hộ) được điều tra.

3-3-1. Tuyệt đại đa số những người được hỏi chuyện là chủ hộ hoặc vợ (chồng) chủ hộ, những người đang đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng, cải thiện cuộc sống và môi trường ở của gia đình. Gần 2/3 (64,6%) những người được hỏi là phụ nữ. Tuổi của nhóm chủ hộ như sau: 8% còn trong lứa tuổi thanh niên (dưới 30 tuổi); 67,1 là từ 31-60 tuổi; và 24,9% có tuổi từ 60 trở lên. So với các chủ hộ dân nghèo đô thị (được điều tra) ở Hà Nội, thì nhóm ở thành phố Hồ Chí Minh có phần “trẻ hơn”. (Tại Hà Nội, chỉ có 4,3% chủ hộ được hỏi còn ở tuổi thanh niên, nhưng đến 44,4% đã trên 60 tuổi).

3-1-2. Các chủ hộ phải cai quản gia đình có qui mô tương đối lớn hơn qui mô các gia đình cư dân nội thành: 5,8 người/hộ, so với khoảng 5,2 người/hộ. Mô hình phổ biến là gia đình hai thế hệ (58% tổng số hộ điều tra); nhưng số hộ gia đình ba thế hệ cũng chiếm tới 35,6%.

Toàn bộ nhân khẩu của 747 hộ gia đình có 4.324 người, phân ra :

Nam giới 47,2%

Nữ giới 52,8 %

(gần hoàn toàn trùng hợp với cơ cấu chung về giới tính cư dân thành phố).

Qui mô bình quân hộ gia đình : 5,8 người/hộ.

3-2. Về học vấn của các thành viên rường cột gia đình và học vấn của khối cư dân nghèo được khảo sát.

Bảng IV : Trình độ học vấn của các nhóm được khảo sát.

Đơn vị: người - %

Trình độ học vấn	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Toàn bộ chủ hộ được phỏng vấn	Toàn bộ cư dân 10 tuổi trở lên	Cư dân cụm Quận A (10 tuổi trở lên)	Cư dân cụm Quận B (10 tuổi trở lên)	Cư dân cụm Quận C (10 tuổi trở lên)
<b>1. Mù chữ</b>	154 20,6	596 16,8	149 14,1	98 13,5	349 19,8
2. Biết đọc biết viết	58 7,8	175 4,9	26 2,5	63 8,7	86 4,9
<b>3. Cấp I</b>	316 42,3	1604 45,2	454 42,9	309 42,6	841 47,7
<b>4. Cấp II</b>	138 18,5	875 24,7	312 29,5	183 25,2	380 21,6
<b>5. Cấp III</b>	76 10,2	271 7,6	29,5 10,3	25,2 8,4	21,6 5,7
<b>6. Trên cấp III</b>	5 0,7	25 0,7	8 0,8	12 1,7	5 0,3
	747 100,0	3546 100,0	1058 100,0	726 100,0	1762 100,0

ấn tượng mạnh nhất về học vấn của các nhóm dân nghèo được khảo sát là bà con có trình độ khá thấp so với tình hình chung của cư dân thành phố. Nếu như toàn thành phố (theo tổng điều tra 1989) tỷ lệ số người biết chữ trở lên (literacy rate) chiếm tới 92,4%, thì tình trạng này chỉ đạt được mức 79,4% ở các chủ hộ (hoặc vợ, chồng họ), và mức 83,2% ở toàn bộ cư dân khu vực nghèo (10 tuổi trở lên) được khảo sát. Thậm chí, ở các quận IV và VIII, tỷ lệ biết chữ trở lên của cư dân nghèo (được điều tra) chỉ đạt được mức 80,2% (gần 20% mù chữ). Điều cần đặc biệt lưu ý là có tới hơn 1/4 tổng số chủ hộ (hoặc vợ, chồng họ) mù chữ hoặc chỉ biết đọc, biết viết (28,4%) trong đó, số mù chữ chiếm tới 20,6%.

Ngoài bảng IV vừa nói trên, chúng tôi muốn cung cấp thêm thông tin về lát cắt trình độ học vấn người lao động trong khu vực khảo sát.

Bảng V: Học vấn cư dân nghèo tuổi lao động

Học vấn	15 - 30 tuổi	31-60 tuổi	Tổng số trong tuổi lao động
Mù chữ	14,8	12,0	13,5
Biết chữ	3,3	6,5	4,8
Cấp I	39,4	46,0	42,6
Cấp II	33,7	22,3	28,3
Cấp III	7,9	12,3	10,0
Trên cấp III	0,9	0,9	0,9
Tổng số	100,0	100,0	100

So với học vấn của các chủ hộ, thì những người trong độ tuổi lao động đã có một bước tiến bộ hơn, song còn chưa thật đậm nét. Hơn nữa, học vấn của nhóm thanh niên (những người từ 15 đến 30 tuổi vẫn chưa khá hơn rõ rệt so với những người ở độ tuổi 31-60. Tuy ở nhóm thanh niên, số có học vấn cấp II có đông hơn (33,7% so với 22,3%), nhưng ngược lại số mù chữ lại có phần nhiều hơn và số có trình độ cấp III lại ít hơn. Như vậy, dù có chút ít tiến bộ, song sự hụt hẫng về học vấn trong người nghèo xem ra vẫn chưa dứt được tình trạng kế tục từ thế hệ này sang thế hệ mới.

#### 4. CƠ CẤU VIỆC LÀM VÀ NGÀNH NGHỀ CỦA NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ CÁC BIỂN ĐỘNG TRÊN LĨNH VỰC NÀY VÀ NGUYÊN NHÂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA CÁC BIỂN ĐỘNG ĐÓ.

4.1. Danh mục việc làm của dân nghèo đô thị khá dài. Chúng tôi tạm gom lại dưới đây thành một số loại việc làm của những người trong độ tuổi lao động :

Nhìn chung 69,5% tổng số người từ 15-60 tuổi là có làm ra tiền, dù thu nhập ổn định hay không ổn định. Số còn lại (30,5%) không làm ra tiền vì còn đang đi học, vì phải lo toan việc nội trợ, hoặc vì bệnh tật, mất sức, hay thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên là một con số đáng lo ngại. So với tỉ lệ thất nghiệp chung trong những người thuộc tuổi lao động là 11,2%, thì trong thanh niên, số thất nghiệp lên tới 17,1%. (trong lúc ở nhóm tuổi 31-60 chỉ ở mức 4,7%). Trong cảnh nghèo của gia đình mà lại không có việc làm, những thanh niên 15-30 tuổi này sẽ làm gì ? Cuộc điều tra chưa có điều kiện đi sâu làm sáng tỏ.

Trong số những người ở độ tuổi có việc làm, thì 53% có thu nhập ổn định, còn 47% có thu nhập không ổn định.

4-2. Đi làm để kiếm sống còn là phần việc của một số trong những người trên và dưới tuổi lao động. Số có việc làm để kiếm tiền chiếm 36,6% những người trên tuổi lao động (trên 60 tuổi), và 7,6% những người dưới tuổi lao động (10-14 tuổi). Các em "10-14 tuổi có đi làm" này cũng làm đủ các loại nghề như phụ huynh của mình: buôn bán, bốc vác, làm thuê, làm mướn..., nhưng đông nhất là bán vé số.

4-3. Trong môi trường xã hội của người nghèo đô thị TPHCM, nếu như tính di động của dân cư là mạnh mẽ và đa chiều, thì *tính biến động của việc làm* cũng rất lớn. Cổ nhiên,

Bảng VI: *phân bố việc làm trong dân nghèo từ 15-60 tuổi*

Đơn vị: %

Loại việc làm	(1)	(2)	(3)
	15-30 tuổi	31-60 tuổi	Tổng số người từ 15-60 tuổi
1. Nhân viên	2,2	3,8	3.0
2. CN, thợ thủ công	16,9	12,5	14.8
3. Dịch vụ	7.9	8,3	8,1
4. Buôn bán	7,5	14,2	10.7
5. Giải khát, ăn uống	4.0	9,5	6,6
6. May	3,0	2,9	2.9
7. Thợ hồ	4.6	4,4	4.5
8. Xích lô, ba gác	4,7	10,7	7,6
9. Bán vé số	0,9	1,9	1.4
10. Bóc vắc	3.2	2,3	2.7
11. Làm thuê	8,5	5.5	7.1
12. Nông nghiệp		0,3	0,1
13. Nội trợ	5.8	8,8	7.2
14. SV, HS, học nghề	11.2		5.9
15. Mất sức, bện tật, hưu	2,5	10,2	6,2
16. Thất nghiệp	17,1	4,7	11.2
Tổng số	100,0	100,0	100.0

cần hiểu là sự biến động này diễn tiến theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực Theo cuộc điều tra này, tính cơ động của việc làm theo chiều tích cực được thể hiện trong 4 hướng chính: Tạo ra việc làm đầu tiên trong đời; phân đầu qua đào tạo nghề để rồi chuyển sang việc làm mới có bản lĩnh hoạt động cao hơn; cơ động, linh hoạt chuyển từ thành phần kinh tế này sang thành phần kinh tế khác; chuyển mặt hàng buôn bán, sản xuất để thích ứng với các động thái của thị trường.

Như vậy, tính năng động trong *chuyển mặt hàng* xuất hiện rõ nhất ở nhóm chủ hộ (và vợ hoặc chồng họ), còn hiện tượng *tạo việc làm lần đầu tiên* thì lại đặc biệt nổi bật trong nhóm các thành viên khác của gia đình. Về hiện tượng phân đầu qua *đào tạo nghề* để chuyển sang việc làm mới có hiệu quả hơn, tuy tỷ lệ còn thấp (khoảng 1-2% số hộ thăm dò có xuất hiện hiện tượng này), song đây là một vốn quý, cần hết sức phát huy trong thời gian tới trong cộng đồng dân nghèo đô thị.

Về những biến động dẫn tới *mất việc làm, hoặc chấp dứt việc làm* (theo chính sách chế độ), cuộc thăm dò (sơ bộ và không đầy đủ cho thấy những biến động này tác động sâu xa tới nhiều hộ dân nghèo, mà nổi cộm nhất là nghỉ việc *do làm ăn thất bại* và *do đau ốm tai nạn*. Các "lý do khác" dẫn tới mất việc làm cũng khá lớn, theo quan sát tại chỗ, có thể kể ra các lý do cụ thể như: thiếu vốn làm ăn, chủ không thuê nữa...

Nói tóm lại, *có việc làm tạo thu nhập ổn định, hay mất việc làm (nhất thời hoặc vĩnh*

Bảng VII: *Biến động trong việc làm theo tác động tích cực cơ động của chủ thể trong vòng 3 năm trước cuộc điều tra.*

Đơn vị: % số Hộ (được thăm dò) có xuất hiện một hoặc nhiều người chuyển việc làm ở nhóm tương ứng

Các hướng cơ động chuyển việc làm	(1)	(2)	(3)
	Liên quan đến những người được hỏi	Liên quan đến vợ hoặc chồng người được hỏi	Liên quan đến các thành viên khác trong gia đình
1. Lần đầu tạo được việc làm	10,8	11,6	51,6
2. Chuyển sang nghề mới được đào tạo	0,7	0	1,9
3. Chuyển từ khu vực Nhà nước sang tư nhân	3,6	3,2	3,1
4. Đổi mặt hàng sản xuất, buôn bán	21,6	30,5	13,8

\*Ghi chú: Số % được tính trên tổng số hộ được thăm dò vấn đề tương ứng

Cột (1): 139 hộ được thăm dò

Cột (2): 95 hộ được thăm dò

Cột (3): 159 hộ được thăm dò

Bảng VIII: *Biến động dẫn tới mất việc làm hoặc chấm dứt lao động (theo chế độ, chính sách) trong vòng 3 năm trước cuộc điều tra*

Đơn vị: % số HỘ (được thăm dò) có xuất hiện một hoặc nhiều người mất việc làm ở nhóm tương ứng.

Các lý do làm mất việc làm hoặc thôi lao động	(1)	(2)	(3)
	Liên quan đến những người được hỏi	Liên quan đến vợ hoặc chồng người được hỏi	Liên quan đến các thành viên khác trong gia đình
1. Nghỉ việc do làm ăn thất bại	4,3	30,5	6,3
2. Nghỉ hưu, mất sức	4,3	5,3	0
3. Giảm biên chế	4,3	7,4	4,4
4. Nghỉ làm do đau ốm tai nạn	20,1	16,8	3,8
5. Lý do khác	32,4	24,2	26,4

\*Ghi chú: Số % tính trên cơ sở như bảng VII.

viễn) là mối ưu tư lớn của người nghèo đô thị. Và trên thực tế, biến số này đang tác động sâu xa khiến cho thu nhập của các hộ dân nghèo tăng lên, hay là sa sút đi. Khi khảo sát các hộ có tổng thu nhập trong vòng 5 năm trở về đây, thì 46,9% chủ hộ có may mắn rơi vào nhóm này đã nói rằng: có được được điều đó là nhờ "có việc làm ổn định". Và, khi khảo sát các hộ bị sa sút về thu nhập trong vòng 5 năm trở lại đây, 41,8% các chủ hộ hữu quan lý giải nguyên nhân sự sa sút đó là do gia đình gặp tình trạng việc làm không ổn định.

Theo ý kiến của chúng tôi, vấn đề có hay không có "*việc làm ổn định*" cũng cần phải được hiểu một cách tinh tế trong điều kiện môi trường kinh tế đô thị, nhất là trong khu vực phi chính thức. Ổn định không có nghĩa là khur khur làm mãi một việc, mà phải chủ động, linh hoạt, biến báo, thích ứng kịp thời với động thái của thị trường hàng hóa và thị trường sức lao động. Nói cho chặt chẽ, khái niệm "*ổn định*" của việc làm ở đây nên được hiểu là *thích ứng việc làm với các nhân tố cho phép tạo được thu nhập ổn định*.

## II. ĐẶC ĐIỂM THU NHẬP VÀ CHI TIÊU TRONG MỨC SỐNG CỦA DÂN NGHÈO ĐÔ THỊ.

Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khái niệm "mức sống" với một ý nghĩa tổng hợp. Dĩ nhiên, thu nhập là một chỉ tiêu rất quan trọng để đo lường mức sống, song nếu chỉ căn cứ thuần túy vào mức thu nhập (bình quân hộ/tháng hoặc bình quân người/tháng) thì sự nhận biết của chúng từ vi mức sống sẽ không đầy đủ. Thậm chí, trong một số trường hợp còn bị nhầm lẫn nữa. Vì sao? Ít nhất có 3 lý do cần nêu lên lớn để lý giải cho tình hình này:

Một là, mức thu nhập của người nghèo đô thị có sự dao động rất lớn, do tình trạng thu nhập không ổn định trong môi trường hoạt động kinh tế của người nghèo gây ra. Các biến động của thị trường tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của dân nghèo diễn ra thất thường từ tháng này sang tháng khác. Khả năng thu hút sức lao động (tạo thu nhập) của môi trường kinh tế phi chính thức cũng có độ dao động cao, và hàm chứa những bất ngờ từ nhiều phía. Các rủi ro trong cuộc sống của các hộ gia đình cũng không phải ít, chẳng hạn các rủi ro do nợ nần, do tai nạn lao động, do bệnh hoạn bất thường.... gây ra. Vì vậy, dù cho việc thu nhập thông tin về mức thu nhập ở thời điểm điều tra có cố gắng hoàn thiện đến đâu, mức thu nhập tuyệt đối (tính ra tiền) cũng không thể được quy rộng và phổ quát hóa một cách giản đơn, để rồi coi đó là thước đo duy nhất cho "*mức sống*".

Hai là, luôn luôn cần nhớ, khoảng trên 60% Các hộ dân nghèo đô thị đâu đúng phải gồng gánh một món nợ quan trọng, thường là với lãi suất cao, trả góp hàng ngày, hoặc từng đợt phải thanh toán cả vốn lẫn lãi, gây ra thâm thủng nghiêm trọng trong ngân sách gia đình.

Ba là, cho dù mức thu nhập bằng tiền có thể không phải là quá thấp (đối với khoảng 30% các hộ trong cộng đồng được khảo sát), song bên cạnh đó, nếu tính đến hàng loạt các điều kiện sống thấp kém thường trực, từ nhà ở lụp xụp, môi trường ô nhiễm, các mức hưởng dụng dịch vụ đô thị nghèo nàn... người ta sẽ thấy mức phản ánh "*mức sống*" từ mức thu nhập (bằng tiền) bị đột ngột suy giảm ngay.

Trên thực tế, để nghiên cứu mức sống, chúng tôi đã phân tích tích chi tiêu:

Mức thu nhập và lực lượng tạo thu nhập;

Mức chi tiêu, năng lực trang trải chi tiêu và các ưu tiên chi tiêu;

Tình trạng nhà ở và trang bị trong gia đình.

Tình trạng vay nợ;

Động thái tăng giảm thu nhập và các nguyên nhân kinh tế - xã hội của động thái đó.

Và, chỉ trên cơ sở một sự phân tích nhiều chiều như thế, chúng ta mới hy vọng có khả năng bước đầu hình thành được về mức sống của dân nghèo đô thị thành phố này.

### 1- Các nguồn thu nhập và các lực lượng tạo thu nhập - Thứ phân bố các mức thu nhập

1-1. Việc xử lý thông tin cho thấy có 39,6% tổng nhân khẩu trong các hộ dân nghèo được điều tra đã tham gia vào lực lượng tạo thu nhập. Ba lực lượng chủ yếu trong cơ cấu

tạo thu nhập của dân nghèo (được khảo sát) là :

- Lao động ở khu vực ngoài Nhà nước 90,3% lực lượng tạo thu nhập
- Cán bộ, công nhân viên Nhà nước 8,5%
- Cán bộ, công nhân viên có lương hưu 1,2%

Trong tổng số lực lượng tạo thu nhập ở khu vực ngoài Nhà nước, thì 52,% tự tổ chức công việc làm ăn. 47,5% làm thuê để tạo thu nhập.

Một đặc trưng nổi bật trong hiệu quả tạo thu nhập của người nghèo, là có đến gần 1/2 tổng số (47,4%) lực lượng này luôn luôn ở tình trạng có nguồn thu nhập không ổn định.

1-2. Đứng về góc độ hộ gia đình mà xét, có thể thấy sự phân bố các nguồn tạo thu nhập có dạng thức như sau :

- Số hộ có lực lượng tạo thu nhập thuần công nhân viên chức Nhà nước: Chiếm 2,4% tổng số hộ.
- Số hộ có lực lượng tạo thu nhập thuần là lao động ngoài Nhà nước: chiếm 81,3% tổng số hộ.
- Số hộ có lực lượng tạo thu nhập hỗn hợp : chiếm 15,1% tổng số hộ .
- Số hộ không có người nào tạo thu nhập,, sống bằng sự giúp đỡ của thân nhân: chiếm 1,2 % tổng số hộ

1-3. Đứng về qui mô lực lượng tạo thu nhập bình quân trong cơ cấu hộ gia đình, chúng ta thấy :

- Quy mô bình quân nhân khẩu/hộ: 5,8 người
- Bình quân số người tạo thu nhập/hộ: 2,69 người.
- Bình quân mỗi lao động có thu nhập phải nuôi thêm: 1,1 người phụ thuộc

Cuộc khảo sát của chúng tôi còn cho thấy, ở các hộ hỗn hợp, số người tạo thu nhập có mức cao hơn hết (bình quân 3,49 người/hộ); sau đó đến các hộ thuần lao động ngoài khu vực Nhà nước (bình quân 2,61 người tạo thu nhập/hộ). Các hộ thuần CNVC có số người tạo thu nhập bình quân vào loại thấp nhất (1,72 người/hộ). Tuy vậy, do có lương tháng nên các hộ CNVC này lại có được tình trạng thu nhập tương đối ổn định hơn cả. Khoảng 55,6% tổng số các hộ CNVC này có khả năng tạm trang trải giữa thu và chi, ở mức sống của dân nghèo.

1-4. Kết quả điều tra 747 hộ dân nghèo cho thấy:

THU NHẬP bình quân đầu người/tháng trong cộng đồng này là :

129.242 đồng/người/tháng.

- Mức CHI bình quân đầu người/tháng là :

126.481 đồng/người/tháng

1-4-1. Để có thể hình dung vị trí mức sống (qui ra tiền) của nhóm dân nghèo đô thị trong trình độ mức sống bình quân của cơ cấu dân cư nội thành TPHCM, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây mức chi bình quân đầu người/tháng của cư dân nội thành và cơ cấu hộ dân nội thành phân hóa theo mức chi (số liệu 1993) :

Mức chi bình quân của cư dân nội thành 1993:

249.500 đ/người/tháng



Cơ cấu hộ dân TP. HCM theo mức chi người/tháng :

Mức chi	Tỷ lệ hộ nội thành
1- Trên 552.000 đồng/người/tháng	.....8,4%
2- 392.000 đồng - 552.000 đồng	..... 9,4%
3- 262.000 đồng - 395.000 đồng	.....25,0%
4- 157.000 đồng - 262.000 đồng	..... 38,2%
5- 91.000 đồng - 157.000 đồng	..... 15,1%
6- Dưới 91.000 đồng/người/tháng	..... 3,0%

Như vậy nếu xét về góc độ mức chi tiêu, thì trình độ mức sống của cộng đồng dân nghèo, sống trong các thu nhà lụp xụp hoặc có cấp loại thấp, hiện NẪM TRỌN TRONG NHÓM ĐỐI NGHÈO NỘI THÀNH và PHÂN BỐ Ở NỬA DƯỚI CỦA NHÓM DÂN NGHÈO NỘI THÀNH. Nói khác đi, *đối tượng của chúng ta hiện nằm ở phần đáy 1/7 của tháp chi tiêu* của cư dân nội thành TPHCM. Mức chi bình quân người/tháng của nhóm dân nghèo đô thị được khảo sát chỉ đạt 1/2 mức chi bình quân người/tháng của dân cư nội thành nói chung.

1-4-2. Trở lại với thức *thu nhập* bình quân đầu người/tháng của cộng đồng dân nghèo được khảo sát. Tình trạng nghèo của cộng đồng này cũng hoàn toàn có tính đồng nhất. Chúng tôi đã khảo sát tự phân hóa tương đối ngay bên trong cộng đồng dân nghèo, theo bốn nhóm hộ, với 4 mức thu nhập cho mỗi đầu người/tháng.

Bảng IX : Phân hóa bốn mức thu nhập của dân nghèo được khảo sát

Mức thu nhập bình quân/người/tháng	Các hộ dân nghèo được khảo sát
1- Dưới 60.000	6,5%
2- Từ 61.000 – 100.000	24,2%
3- Từ 101.000 – 150.000	40,3%
4- Trên 150.000	29,0%

Có thể nói gì về mức sống của 4 nhóm thu nhập này ? Các khảo sát từ nhiều góc độ cho thấy:

+ *Nhóm thu nhập dưới 60.000 đ/người/tháng*: là *nhóm hộ nghèo đói nhất* và cụm Quận nào cũng có. Tỷ trọng của nhóm thu nhập này trong các hộ nghèo thuộc cụm Quận B (Phú Nhuận, Bình Thạnh) tương đối cho hơn các cụm khác. Nhóm hộ này tuy có số người tạo thu nhập bình quân/hộ không thấp, nhưng hiệu quả thu nhập của họ kém, thường xuyên thiếu ăn, một rủi ro nhỏ cũng có thể gây ra tình trạng thiếu đói tạm thời. 58% chủ hộ nhóm này tự xếp mình vào diện nghèo đói. 48% tổng số hộ nhóm này chỉ có diện tích ở dưới 3m<sup>2</sup>/đầu người và 52% chủ hộ cho biết sắp tới sẽ không có khả năng nào để tự cải thiện về nhà ở. Khoảng 17% tổng số hộ không có bất kỳ một vật dụng nào trong nhà, dù chỉ là một cái giường gỗ, một cái bàn hay một chiếc xe đạp cọc cạch.

+ *Nhóm thu nhập từ 61.000 đ - 100.000 đ/người/tháng*: có thể coi là *nhóm hộ rất nghèo*, nếu xét theo mức sống của nội thành năm 1993. Nhóm này tập trung tương đối dày hơn ở cụm Quận B và C. Khoảng 48,9% tổng số hộ của nhóm này chỉ có diện tích ở dưới 3m<sup>2</sup> một đầu người và 40% chủ hộ cho biết sắp tới sẽ không có một khả năng nào để cải

thiện về nhà ở. Khoảng 8,3% tổng số hộ trong nhóm này không có bất kỳ một vật dụng nào trong nhà. Hơn 2/3 tổng số hộ trong nhóm bị thiếu hụt hoặc rất chật vật để trang trải mức chi mà vốn đã rất thấp của họ. Cần 64% tổng số hộ phải đi vay nợ trong năm qua.

+ *Nhóm thu nhập từ 101.000 đ - 150.000 đ/người/tháng*: Được coi là *nhóm hộ nghèo*. Nhóm này khá đông đảo, chiếm tới 40% tổng số hộ dân nghèo được khảo sát. Nhóm này tập trung với tỷ lệ tương đối cao hơn ở cụm quận A và C.

Sở dĩ, trong tình trạng nghèo chung của cộng đồng, nhóm này có mức thu nhập hơi nhích lên (so với 2 nhóm "nghèo đói nhất" và "rất nghèo"), một phần vì bình quân người tạo ra thu nhập ở nhóm hộ này có cao hơn hai nhóm trên (2,2 người/hộ, so với 2,1 và 2,0). Số lao động tự tổ chức làm thuê của nhóm hộ này, cũng có phần cao hơn hai nhóm (nghèo hơn) nói trên một chút.

+ *Nhóm thu nhập trên 150.000 đ/người/tháng* (và không có hộ nào vượt quá mức 200.000 đ). Đây là nhóm chiếm 29% tổng số hộ được khảo sát và có tỷ lệ cao hơn ở cụm Quận C và A. Đây là nhóm có thể gây ra tranh cãi. Có người sẽ nói : "Đây đâu còn phải là nhóm dân nghèo? Một ngày, mỗi thành viên/hộ có được đến 5 ngàn bạc rồi còn gì nữa?"

Chúng tôi nghĩ rằng cần phải xem xét sự vật trong thể "động" của nó. Trạng thái nghèo khổ đô thị không phải là xác lập một lần cho mãi mãi, mà luôn luôn vận động, phân hóa theo hướng nghèo đi hoặc khá dần lên (tương đối và tuyệt đối). Hơn nữa, khi xem xét cái nghèo như một hiện tượng xã hội, cần đặt nó trong bối cảnh của toàn bộ đời sống kinh tế và mức sống dân cư của một thành phố đang tăng trưởng nhanh, phân hóa mạnh, và cường độ cạnh tranh trên thị trường sức lao động và thị trường hàng hóa ngày càng gay gắt.

Khi xem xét nhóm hộ này từ nhiều khía cạnh khác nhau, chúng tôi cho rằng *đây vẫn là một nhóm dân nghèo gắn liền với môi trường cư trú thấp kém*. Có tới gần 785 các hộ thuộc nhóm này hiện vẫn đang sống trong các căn nhà ven kênh rạch hoặc trong các xóm dân nghèo. Song đây cũng là một nhóm đã bắt đầu chớm lóe lên vài dấu hiệu cho thấy, về lâu dài, có khả năng là nhóm sẽ sớm có được những hộ vượt ra khỏi môi trường dân nghèo đô thị TPHCM, với tỷ lệ cao hơn so với các nhóm khác.

Ở nhóm hộ này, hiện tượng "người trong tuổi lao động mà không có thu nhập" tương đối thừa vắng hơn so với các nhóm nghèo khác. Quan trọng hơn, so với 5 năm về trước, nhóm này có tỷ lệ số hộ có mức sống "tăng đáng kể" hoặc "có tăng" thuộc vào loại cao nhất so với ba nhóm thu nhập (của dân nghèo) còn lại. Thực chất, đây là nhóm đang ráo riết vượt khỏi cảnh nghèo. Các số liệu về nhóm này, theo chúng tôi, có nhiều ý nghĩa đối với việc khảo sát động thái dân nghèo đô thị ở tầm dài hạn.

## 2- Chi tiêu - Cơ cấu chi tiêu - Các ưu tiên chi tiêu và vấn đề vay nợ của người nghèo đô thị

2-1. Mức chi tiêu bình quân/người/tháng của bà con dân nghèo TPHCM là: 126.481 đồng/người/tháng.

(so với mức thu bình quân đầu người/tháng là 129.242 đồng)

Như vậy, nhìn một cách tổng quát nhất, tương quan giữa thu và chi như theo sát nhau để cố bảo đảm mức sống nghèo khổ của mình. Khả năng dự trữ hầu như không có. *Hiện tượng chi vượt quá thu* xảy ra ở tất cả các nhóm thu nhập, nhất là ở 3 nhóm có mức thu nhập thấp.

ít nhất 40% nhóm thu dưới 60.000 đ bị rơi vào tình trạng chi vượt mức thu.

ít nhất 31,1%, nhóm thu 61.000-100.000 chỉ vượt mức thu.

ít nhất 21% nhóm thu 101.000-150.000 chỉ vượt mức thu.

(Toàn bộ nhóm hộ bội chi này chiếm ít nhất 18,55% tổng số hộ điều tra)

2-2. Xét về *cơ cấu chi tiêu/tháng* ở quy mô HỘ, chúng ta thấy một bức tranh tổng quát như sau :

- Chi cho ăn uống (kể cả chất đốt)	68,9%
- Chi cho đèn	4, 1%
- Chi cho nước	3,4%.
- Chi cho học hành	4,1%
- Chi cho chữa bệnh	3,5%
- Chi cho tiền thuê nhà, thổ trạch	0,5%
- Chi khác	15,5%

2-3. Khi các chủ hộ được hỏi : "Trong điều kiện kinh tế của gia đình hiện nay, ông (bà) dành ƯU TIÊN CHI TIÊU cho các khoản nào ? (Chọn 3 khoản ưu tiên)", thì họ đã cho biết như sau (Xử lý thông tin trên toàn bộ các chủ hộ được hỏi chuyên):

Ưu tiên 1 : Cải thiện bữa ăn cho gia đình	74,3%
Ưu tiên 2 : Sửa chữa, nâng cấp nhà cửa	34,3%
Ưu tiên 3 : Đầu tư thêm cho công ăn việc làm	23,7%

Các nhóm hộ được điều tra viên xếp vào loại "nghèo đói", có ưu tiên chi tiêu để "cải thiện bữa ăn cho gia đình" lên đến 81,6% có lẽ do điều kiện ăn uống, dinh dưỡng những năm qua đã quá kém.

Về ưu tiên "*sửa chữa, nâng cấp nhà cửa*", nhóm hộ ở cụm Quận B vốn có điều kiện ăn ở rất kém cỏi, nên dù mức thu nhập thuộc loại thấp, vẫn có đến 42,6% số chủ hộ coi đó là một ưu tiên của mình. Ở nhóm hộ có mức thu nhập người/tháng trên 150.000 đ, mức độ ưu tiên dành cho cải thiện nhà cửa được nhấn mạnh bởi 43,7% tổng số chủ hộ thuộc nhóm hữu quan này.

Điều rất đáng chú ý là các chủ hộ cụm Quận B đã nhấn mạnh đặc biệt đến ưu tiên "*đầu tư thêm cho công ăn việc làm*" (40,5% tổng số chủ hộ).

2-4. Các chủ hộ dân nghèo cũng đã thử so sánh mức sống của họ hiện nay với *mức sống 5 năm về trước* (chủ yếu là lấy mức thu nhập làm chuẩn). Họ cho thấy

- 32,7% không có gì thay đổi về mức sống;
- 26,7% có tăng tiến về mức sống (trong đó 5,9% tăng đáng kể và 21% có tăng chút ít);
- 40,5% bị giảm mức sống phần nào.

Về *các lý do tăng mức sống*, các hộ dân nghèo nêu bật lên hai lý do hàng đầu là:

- Do có việc làm ổn định: 42,9% (các hộ có tăng)
- Do con cái lớn lên, gia đình có thêm người tạo ra thu nhập : 40,4%

Về *các lý do giảm mức sống*, chúng tôi phát hiện thấy ít nhất có 6 lý do rất đáng kể:

- Do việc làm không ổn định 41,8% ( các hộ có giảm mức sống)
- Do trong nhà có người bệnh nặng 19,5%
- Do con cháu đông thêm 14,9%

- Do trong nhà có người thất nghiệp 10,6%
- Do khuyết vắng mười trụ cột kinh tế 9,3%
- Do nợ nần chồng chất 8,1%

Có thể nói hầu như tất cả các lý do được nêu ra bằng ngôn ngữ thông thường của dân chúng, rất cuộc điều qui tụ về vấn đề *suy giảm các nhân tố lao động và việc làm, kết hợp với vấn đề tỷ lệ người ăn theo tăng lên và nợ nần chồng chất thêm*. Hơn nữa, các nhân tố lao động và việc làm, đến lượt nó, lại chịu tác động của các nhân tố xã hội khác, chẳng hạn như mức độ tiếp nhận các dịch vụ chăm sóc y tế sức khỏe của người nghèo rất hữu hạn; các cơ chế tạo việc làm trong môi trường kinh tế phi chính thức tiềm tàng nhiều rủi ro; hiện tượng rạn nứt quan hệ gia đình, bỏ rơi vợ con là một vấn đề xã hội đặc thù của môi trường nghèo khổ.

2-5. Theo cuộc điều tra của chúng tôi, trong cộng đồng dân nghèo đô thị TPHCM được khảo sát chọn mẫu, *hiện có 60,5% tổng số hộ (được khảo sát) đang có vay nợ*.

Tính bình quân trong năm 1993, mức vay là 1.257.000 đ/hộ

Mức vay thường gặp trong cộng đồng dân nghèo là từ 600.000 đ đến 2.000.000 đ.

Trong nhóm hộ thuộc loại "nghèo đói" có vay, thì đến 58% chỉ dám vay từ 100.000 đ đến 500.000 đ thôi. Lý do đơn giản là khó vay nhiều, và cũng không dám vay nhiều, sợ khê đọng không trả được.

Vậy các hộ nghèo vay nợ để làm gì ?

Cuộc điều tra ở TPHCM Cho thấy các mục tiêu vay được nhấn mạnh từ cường độ cao tới thấp như sau:

- Vay để chi cho ăn, mặc : 52,5% tổng số hộ có vay
- Vay để có thêm vốn làm ăn : 39,8%
- Vay để chữa bệnh : 33,8%
- Vay để sửa chữa nhà : 16,7%
- Vay để chi phí học hành cho con : 5,6%
- Vay để lo hiếu hỉ, lễ lạt đột xuất : 3,9%
- Vay vì nhiều mục tiêu khác: 8,2%

Họ vay ai ?

- Vay của người cho vay lãi chuyên nghiệp 57,1%
- Vay của các định chế tín dụng Nhà nước, đoàn thể (kể cả quỹ xóa đói giảm nghèo) 24,3%
- Vay hoặc mượn nóng của bà con lối xóm 14,8 %
- Vay hoặc mượn không lãi của họ hàng 12,2%
- Mượn của bạn bè (thường không có lãi) 4,6%
- Các nguồn khác 5,3%

III. Nhà ở - một chỉ báo tổng hợp về đặc điểm xã hội của người nghèo đô thị và sự quần cư của họ trong lòng thành phố - các khả năng cải thiện nhà ở và môi trường.

1- Phát triển đô thị và xử lý khu vực nhà ở dân nghèo: một câu hỏi lớn.

Rất cuộc thì lịch sử quần cư, các động thái nhập cư hoặc di động cư dân nội đô, cũng như đặc điểm lao động, thu nhập, chi tiêu của dân nghèo đã "kết tinh" lại trong một chỉ báo tổng hợp là NHÀ Ở CỦA NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ. Bản thân hiện trạng tồn tại của hệ nhà

ở này đang đặt ra trước các nhà quy hoạch, quản lý đô thị và cho chính dân nghèo đô thị *những sự lựa chọn* cực kì quan trọng, khó khăn, nhưng không thể không thực hiện. Bởi vì cuối cùng thì đô thị cũng phải tiếp tục phát triển và tăng cường nhanh theo hướng tích tụ thêm ngày càng nhiều uy lực kinh tế, xã hội, văn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà chỉ có một quá trình đô thị hóa đích thực mới có thể đem lại được. Trong quá trình nâng cao chất lượng của đô thị, nhóm dân nghèo đô thị vẫn còn đó, và khu vực nhà ở của người nghèo cũng không thể ngày một ngày hai tự động biến đi. Và lại, bản thân cộng đồng người nghèo đô thị cũng đang tồn tại như một nguồn nhân lực, bảo đảm cho sự vận hành bình thường của bộ máy kinh tế thành phố, trong khu vực chính thức và phi chính thức. Rõ ràng là, một chiến lược xã hội sáng rõ để sắp xếp lại và cải thiện nhà ở cho người nghèo đô thị cần được xác lập và theo dõi kiên trì. Nó cần được coi như là bộ phận hợp thành hữu cơ của toàn bộ chiến lược phát triển thành phố. Sự lựa chọn này đang đặt ra hàng loạt câu hỏi :

- Thay thế toàn bộ các lưu nhà ở người nghèo bằng các khu mới xây, hay là chủ yếu phải nâng cấp, cải thiện nhà ở tại chỗ ? Bản thân nội lực người nghèo có thể tham dự đến đâu quá trình nâng cấp tại chỗ nhà ở ?

Giải tỏa một bộ phận khu nhà ở lụp xụp để phát triển các công trình mới, có thể bảo đảm được chăng sự tái tạo cuộc sống cho dân nghèo đô thị, hay sẽ sa sút hơn nữa mức sống của nhóm dân cư vốn đã nghèo khổ và bị thiệt thòi nhất này?

- Nhà nước và các cộng đồng có thể và cần làm gì trong công cuộc tái cấu trúc một tiểu hệ thống đô thị rất dễ rạn vỡ và rất nhạy cảm này ?

Để có thể trả lời được câu hỏi đó, trước hết cần nhìn lại thực trạng nhà ở của dân nghèo đang sống trong các quần cư ngay giữa lòng đô thị.

2- Nhà-đất: Chế độ sở hữu, sử dụng và các mức độ của tính hợp pháp. Những khác biệt về quy mô sử dụng nhà, đất và mức độ an ninh cư trú.

2-1. Hiện nay, qua điều tra chọn mẫu, có thể thấy sự phân bố chế độ SỞ HỮU NHÀ của người nghèo đô thị được phân bố như sau:

- Nhà tư: 88,9% số hộ đ/tra

Trong đó chia ra (100%)

+ Nhà, đất do ông bà để lại (28,0%)

+ Nhà tư xây dựng trên đất công (19,5%)

+ Nhà tư mua trước 1986 (30,5%)

+ Nhà tư mua sau 1986 (22,0%)

- Nhà của Nhà nước : 6,9% số hộ đ/tra

- Nhà thuê, ở nhà tư nhân : 4,2% số hộ đ/tra

Như vậy hầu hết (9/10) những căn nhà (hoặc lều) của người nghèo đều là tài sản của riêng họ. Và đây là một tiền đề quan trọng cho quá trình nâng cấp, cải thiện chất lượng nhà ở của khu vực này với dự báo là sẽ có sự đóng góp tự nguyện và chủ động của chính dân nghèo.

2-2. Tuy nhiên, nếu xét về cơ sở pháp lý của chế độ sở hữu nhà và quyền sử dụng đất xây dựng ở đô thị, thì trong cộng đồng này còn tồn tại nhiều vấn đề vướng mắc. Hiện nay, tính chung trong toàn bộ cộng đồng được khảo sát, số hộ không có giấy tờ chứng nhận về quyền sử dụng đất là 27,5%; số hộ không có giấy tờ về sở hữu nhà : 22,5%; số hộ có giấy tờ về nhà, đất nhưng không đầy đủ : 13,7%

Tình trạng không có, hoặc không có đủ giấy tờ về nhà, đất còn tồn tại ngay cả ở những hộ đã mua, sang nhượng nhà đất hoặc lấn chiếm đất từ trước 1975. Thói quen mua bán, sang nhượng bằng giấy tờ trao tay còn hết sức phổ biến trong cộng đồng.

2-3. Dưới đây là sự phân bố diện tích bình quân *mặt bằng/hộ*, diện tích *khu phụ/hộ* và diện tích ở bình quân đầu người, trong khu vực nhà ở người nghèo đô thị.

2-3-1. Diện tích bình quân *mặt bằng* nhà ở người nghèo: 26,34m<sup>2</sup>/hộ.

Cụm Quận A : 26,38 m<sup>2</sup>/hộ

Cụm Quận B : 29,64 m<sup>2</sup>/hộ.

Cụm Quận C : 24,95 m<sup>2</sup>/hộ.

- Diện tích bình quân *khu phụ*: 4,71 m<sup>2</sup>/hộ.

- Diện tích *khu phụ/hộ* có chiều hướng đồng biến với quy mô hộ. Nó có phần cao hơn ở các hộ hỗn hợp và các hộ thuần CNVC.

2-3-2. Về diện tích *sàn ở bình quân/hộ* (chưa kể diện tích *gác xép*):

- Diện tích bình quân *sàn ở/hộ*

(chưa kể diện tích *gác xép*) : 21,01 m<sup>2</sup>

- Diện tích bình quân *sàn ở/đầu người*

(chưa kể diện tích *gác xép*) : 4,41 m<sup>2</sup>/người

Phân bố theo các cụm Quận như sau :

Cụm Quận A (chưa kể *gác xép*) : 4,58 m<sup>2</sup>/người

Cụm Quận B (chưa kể *gác xép*) : 4,75 m<sup>2</sup>/người

Cụm Quận C (chưa kể *gác xép*) : 4,16 m<sup>2</sup>/người

Về hiện tượng *gác xép*:

Do sự phát triển dân số và các hoạt động kinh doanh khác trong căn nhà, một bộ phận các hộ dân nghèo đã tìm giải pháp *gác xép*" (rất đơn sơ) để nới rộng không gian ở, mà không cần sử dụng thêm đất, hoặc (trong nhiều trường hợp) không phải lo làm thêm tường, thêm mái che tốn kém. Một hộ có thể có nhiều *gác xép*.

Theo cuộc điều tra này, các hộ *có gác xép* chiếm 40,7% *tổng số hộ*.

Diện tích *gác xép*, phân ra theo 3 quy mô như sau :

- Dưới 6m<sup>2</sup> *gác xép/hộ* : 18,1% *tổng số hộ có gác xép*

- 6m<sup>2</sup> - 12m<sup>2</sup> *gác xép/hộ* : 34,2%

- Trên 12m<sup>2</sup> *gác xép/hộ* : 47,7%

(Quy mô sau cùng này có độ nhấn rất mạnh ở cụm Quận trung tâm thành phố).

Nhờ "giải pháp *gác xép*" mà có sự tăng diện tích ở bình quân lên một mức. Tuy vậy, đây là diện tích coi, nới cực kỳ thô sơ, cho nên *không thể đem diện tích bình quân đầu người của dân nghèo mà so sánh trực tiếp với chỉ tiêu tương ứng của toàn bộ dân nội đô*. Và lại trong thống kê chính thức về nhà ở TP, một phần lớn diện tích ở của dân nghèo đô thị (toàn bộ khu nhà lụp xụp rách nát, hoặc trên kênh rạch) đã không được đưa vào tính toán tổng hợp mà luôn tách thành một khoản riêng.

2-3-3. Về mức độ *có các khu phụ trong căn nhà*, thì ở khu vực ở người nghèo TPHCM

(1) Mặt bằng được hiểu là diện tích đất trên đó dựng khu phụ và diện tích sân, do hộ gia đình thực tế sử dụng.

tình trạng thấp kém xuất hiện đối với cả nhà bếp, nhà tắm, nhà xí, nhưng tồi tệ nhất là nhà xí và nhà bếp.

Nhà bếp:

- Không có bếp : 45,3% tổng số hộ.
- Có bếp riêng : 49,7% -
- Bếp chung 2 hộ : 3,5% -
- Bếp chung 3 hộ : 0,7% -

Nhà tắm :

- Không có nhà tắm riêng : 31,9% tổng số hộ .
- Có nhà tắm riêng : 61,0% -
- Nhà tắm 2 hộ dùng chung : 4,3% -
- Nhà tắm 3 hộ dùng chung : 1,3% -

Nhà xí :

- Có nhà xí riêng : 22,7% -
- Sử dụng nhà xí chung : 19,9% -
- Sử dụng kiểu "cầu tôm" : 57,4% -  
(hoặc "cầu cá")

2-3-7. Về tình hình được hưởng các dịch vụ cơ bản (Điện, nước máy, thoát nước, thu gom rác).

Về tình hình sử dụng điện sinh hoạt, 93,7%. các hộ nghèo đã có điện, nhưng đại đa số trường hợp là phải câu móc nhờ từ nhà người khác, tạo nên tình trạng hệ thống dây tải điện rậm rịt trong các xóm, rất nguy hiểm vì dễ cháy và gây tai nạn điện giật.

Tính bình quân toàn cộng đồng được khảo sát :

- Có công tơ riêng : 23,1% tổng số hộ điều tra.
- Câu móc nhờ : 67,5%
- chưa có điện : 6,6%
- Khó xác định : 2,8%

Về tình hình sử dụng nước sinh hoạt, tính Chung toàn cộng đồng :

	Để ăn uống	Để tắm giặt
- Có vòi nước máy trong nhà	23, %.	23%
- Sử dụng vòi nước chung nhiều hộ	32,8%	30,3%
- Mua nước máy	23,6%	20,7%
- Dùng nước giếng	17,4%	23,2%
- Cách khác	2,4%	2,1%

Tình hình cống rãnh thoát nước, tính chung toàn cộng đồng :

(theo nhận xét của người được hỏi)

- Thoát nước tốt : 26,8% tổng số hộ
- Thoát nước trung bình : 43,8%
- Thoát nước kém : 29,4%

Các chủ hộ cũng cho biết về cách thức tiêu thải nước chủ yếu của các hộ :

- Tiêu thoát bằng cống : 56,8%
- Tiêu thoát trên mặt đất: 5,6%
- Tự thấm : 5,2%
- Đổ nước bản xuống kênh : 32,4%

(riêng hiện tượng đổ nước bản xuống kênh, đã xuất hiện ở 89% các nhà trên kênh rạch và 44,7% các nhà tranh tre, nứa lá).

Tình hình *thu gom rác*, tính chung toàn cộng đồng :

- Có xe gom rác tận nhà : 32,4%
- Có xe gom rác gần nhà : 17,6%
- Thải tùy ý : 50,0%

(riêng tình trạng thải rác tùy ý, ở cụm Quận A lên đến 50% số hộ; nhóm nhà trên kênh rạch là 83,8%)

Do đó, tình trạng ô nhiễm rác được coi là nghiêm trọng : 77% tổng số hộ đánh giá là có tình trạng ô nhiễm rác từ mức cao đến mức trung bình (32,7% ô nhiễm rác mức cao - 44,2% ô nhiễm rác mức trung bình)

2-4. Tình hình an ninh cư trú cũng là một khía cạnh cần khảo sát khi muốn có được bức tranh tổng thể về điều kiện ở của dân nghèo.

Các chủ hộ được phỏng vấn cho biết họ lo lắng nhiều về tình hình đất khu nhà ở của họ có nhiều bất tiện vì nguy hiểm : được nhắc đến nhiều nhất với các điều tra viên là đất dễ bị ngập lụt, sụt lún hoặc nằm trong vùng quá ô nhiễm. Nhóm chủ hộ cho rằng đất của họ *bất tiện* và *nguy hiểm* chiếm đến 36% tổng số chủ hộ được phỏng vấn. Tỷ lệ này tăng lên đến 50% các hộ chung cư xuống cấp, và 52% các hộ sống ven kênh rạch.

### 3- Phúc lợi và sức khỏe người nghèo nhìn dưới góc độ chất lượng nơi ở.

Mặc dầu là những công dân của một thành phố lớn có một vốn liếng kết cấu hạ tầng không phải là quá kém, song người dân nghèo ở thành phố này chỉ được hưởng dụng các phúc lợi dịch vụ cơ bản ở mức độ rất hạn chế.

Nếu chỉ tính diện tích ở bình quân đầu người một cách giản đơn và đem so sánh trực tiếp với chỉ số tương ứng ở quy mô toàn thành phố thì không thể thấy hết được thực chất của vấn đề. Theo các tính toán hiện nay, diện tích ở bình quân đầu người của cư dân TPHCM là khoảng 5,8m<sup>2</sup>. Chỉ số này ở người nghèo (theo kết quả điều tra) là 4,41m<sup>2</sup> (nếu chưa kể gác xép), và khoảng 5m<sup>2</sup> một chút nếu kể cả gác xép. Như vậy là diện tích ở bình quân của người nghèo có thấp, nhưng cũng không phải là quá thấp. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề không đơn giản nấp sau các con số.

Khoảng 43% các hộ dân nghèo chỉ có diện tích bình quân đầu người dưới 3m<sup>2</sup>. Hơn nữa, các nhà của người nghèo có chất lượng mái lợp rất kém, chỉ mưa hơi lớn đã dột; có nhiều gia đình ở trong nhà mà nước mắt dột xuống như đang ở dưới lùm cây. Trời mùa hè thì trong nhà cực nóng ở các nhà trên kênh rạch, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Khoảng 50% hộ gia đình nghèo gặp khó khăn về nhà bếp, nhà tắm trên 70% sử dụng nhà vệ sinh vừa xa, vừa dơ bẩn, có nơi phải trả 200 đ mỗi lần sử dụng nhà xí chung. Cũng khoảng 70% hộ gia đình không có tiện nghi và an toàn khi câu móc điện; giá tiền điện lại cao hơn mức quy định nhiều. Tình trạng phải mua từng "đôi" (gánh) nước máy với giá tối thiểu 500 đ/đôi cũng động chạm đến 1/4 tổng số hộ. Tình trạng dùng nước kênh rạch dơ bẩn để tắm rửa chưa phải đã chấm dứt. Muối từ kênh, sông bay lên rất nhiều. Trong khi đó, nạn ô nhiễm rác được 77,0% tổng số hộ ghi nhận từ thực tiễn của chính nơi mình đang cư ngụ.



Có thể nói, với mức hưởng dụng các phúc lợi từ dịch vụ công cộng khá thấp, người nghèo đô thị đang gần như bị bao vây bởi hàng loạt yếu tố của môi trường vật lý làm mòn mỗi sức khỏe của họ. Tuy chưa có thống kê đầy đủ, song các bệnh nặng thường gặp ở các hộ nghèo được các điều tra viên ghi nhận là bệnh lao, hen suyễn, tâm thần, bệnh mắt và các bệnh do điều kiện lao động đặc thù gây ra nhiễm độc cao su, tai nạn do làm thủy tinh, bệnh lây do khai thác bao nylon cũ từ rác v.v... Ở thời điểm điều tra, 17% các hộ nghèo được hỏi chuyện đang phải nuôi dưỡng và chữa trị trong nhà từ 1 đến 2 thân nhân đang đau bệnh.

Tất cả những điều nói trên cho thấy người nghèo trong đô thị là nhóm đang phải chịu nhiều thiệt thòi nhất trong xã hội. Nhưng họ cũng không hoàn toàn chịu bó tay !

#### 4- Về các con đường cải thiện nhà ở và môi trường sống.

4-1. Trên thực tế mặc dầu bị ràng buộc bởi bao nhiêu khó khăn khi tạo thu nhập, cũng như khi cố gắng co kéo để cân bằng thu-chi và trả các khoản công nợ, người nghèo đô thị vẫn dành một phần công thức, tiền bạc của mình để tự cải thiện điều kiện nhà ở và môi trường.

Theo kết quả điều tra, trong 2 năm gần đây nhất, 55,2% tổng số hộ gia đình (được hỏi chuyện) đã tự mình thực hiện cải thiện ít nhiều điều kiện nhà ở. Trong đó:

- Chồng dột, lợp lại mái, trảng nền: 27,2%

- Sơn phết, quét vôi 18,8%

- Cơi nới cho diện tích rộng thêm (kể cả làm gác xép): 7,2%

- Thụ xép để có chỗ ở mới cho một số thành viên gia đình trước đây ở chung : 1,4% Bên cạnh sự nỗ lực không ngừng của bản thân người nghèo, cuộc điều tra còn cho thấy có 8,4% tổng số hộ gia đình đã được Nhà nước hoặc cơ quan, xí nghiệp, đoàn thể, cộng đồng giúp đỡ cải thiện nhà ở.

Trong việc sửa sang nâng cấp nhà, bà con dân nghèo sử dụng sức lao động của mình là chính. Họ ráng khai thác các vật liệu rẻ tiền, tái chế, hoặc đã sử dụng qua, để giảm nhẹ phần nào khoản phí tổn dành cho nhà ở mà lắm khi chủ hộ phải vay nợ để trang trải. Như chúng ta đã biết, trong các mục tiêu vay nợ, việc dành cho sửa chữa nhà đã đạt được 16,7% tổng số hộ có vay trong năm 1993 nhắc tới. Bên cạnh đó sự tiếp tay của bà con lối xóm trong những lúc sửa sang, dọn dẹp nhà, cũng rất đáng kể. Ở một số địa bàn, người ta đã gây dựng được các dạng hoạt động cộng đồng nhằm thúc đẩy một cách có tổ chức các công trình cải thiện cải thiện nhà ở và môi trường sống. Đây là một hình thái tổ chức mới xuất hiện dần dần trong cộng đồng dân nghèo TPHCM từ gần 10 năm trở lại đây (cộng đồng Hiệp Thành, p.12, Quận IV; p.Tân Định Quận 1; p.9 Quận III;...). Người ta đã cùng nhau tổ chức việc mở rộng mạng lưới ống nước máy sinh hoạt (hoặc trụ nước công cộng); mở rộng mạng lưới phân phối điện; khơi cống rãnh; trảng lại mặt đường trong xóm nghèo; mở mạng lưới tín dụng cộng đồng (với lãi suất thấp và trả góp từng ngày)... Chỉ có điều, việc nhân rộng loại hình hoạt động cộng đồng nay còn rất chậm chạp, chủ yếu là vì cán bộ quản lý ở cơ sở còn chưa quen với hình thái này, nên chưa coi đó như một động lực để thúc đẩy dân chúng tự mình giải quyết tại chỗ hàng loạt vấn đề xã hội, với sự hỗ trợ có trọng điểm của Nhà nước.

4.2- Trong dự kiến sắp tới của cộng đồng dân nghèo (được khảo sát), 62,0% tổng số hộ đã hướng tới vấn đề cải thiện điều kiện ở. (Và khi bày tỏ các nguyện vọng “có điều kiện để sửa chữa được nhà”)

Trong tập hợp các dự kiến cải thiện điều kiện ở :

- 50,2% tổng số hộ (được điều tra) sẽ nâng cấp căn nhà đang ở.
- 5,6% tổng số hộ sẽ tìm cách bán nhà cũ, chuyển sang một nhà khác.
- 5,6% có những dự kiến cải thiện khác về nhà ở.

Cố nhiên, để hiện thực hóa các dự liên này, bà con cũng mong có được sự hỗ trợ chút ít từ bên ngoài (Nhà nước, đoàn thể hoặc thân nhân)

Tuy nhiên, vẫn còn lên 1/3 cộng đồng dân nghèo (35,5% ) nói rõ là họ "không thấy một khả năng nào để cải thiện nhà ở" trong thời gian tới. Tỷ lệ này lên tới 52% ở nhóm hộ có mức thu nhập thấp nhất và 61,5% ở nhóm hộ được đánh giá tổng hợp là "Nghèo đói".

Bảng X: Các dự kiến về cải thiện điều kiện ở phân theo các nhóm mức sống (được đánh giá tổng hợp)

Đơn vị: %

Các loại dự kiến	Nhóm hộ tạm thu xếp được cuộc sống	Nhóm hộ thiếu thốn chật vật	Nhóm hộ nghèo đói	
1. Không dự kiến	4,5	2,5	1,0	3,1
2. Nâng cấp nhà đang ở	56,9	51,0	29,8	50,3
3. Bán, chuyển nhà	8,0	4,5	2,9	5,6
4. Cách khác	6,9	4,8	4,8	5,6
5. Không thấy một khả năng nào để cải thiện nhà	23,6	37,2	61,5	35,3
Tổng số cột:	38,6	47,5	13,9	

4-3. Tác động của đổi mới kinh tế và vai trò Nhà Nước trong việc tạo điều kiện cho người nghèo giải quyết nhu cầu nhà ở.

Chính sách đổi mới kinh tế đã tạo ra một đợt bùng nổ xây dựng và nâng cấp nhà trong nhân dân thành phố (Hiện nay, 83,4% diện tích ở của thành phố Hồ Chí Minh là thuộc sở hữu của tư nhân). Riêng trong 4 năm 1990-1993, nhân dân đã tự xây được 14.373 căn nhà, với diện tích ở là 2.778.47m<sup>2</sup>, bình quân chiều cao là 2,64 tầng. Nếu cả Nhà nước và nhân dân, thì trong 4 năm đó, thành phố đã có thêm 3.500.000m<sup>2</sup> nhà ở. Tuy vậy, số nhà mới xây thêm này vẫn chưa đem lại hiệu quả đáng kể nào cho việc nâng cao diện tích ở bình quân đầu người của cư dân thành phố này. Nếu như vào năm 1975, chỉ số đó là 7,5m<sup>2</sup>/người, thì năm 1994, nó chỉ còn là 5,8m<sup>2</sup>/người. Tác động của đợt xây dựng mới này tới việc cải thiện điều kiện ở cho người nghèo đô thị lại càng ở một mức hạn chế, tuy Nhà nước cũng đã có nhiều cố gắng. Trong 3 năm 1990-1992, nhờ quỹ phát triển nhà của thành phố, khoảng hơn 400 căn hộ thuộc chương trình Nhà nước thử nghiệm xây dựng bán trả góp đã được bán ra cho các gia đình diện chính sách, và khoảng 700 căn bán cho các CNVC và dân nghèo. Do nhiều yếu tố tạo giá thành chưa được giải quyết tốt, nên giá thành nhà trả góp vẫn còn cao, và nằm ngoài "tầm với" của tuyệt đại đa số người nghèo đô thị. Khoảng 25% tổng số CNVC Nhà nước ở thành phố này hiện vẫn chưa có nơi ở ổn định. Gần đây, liên đoàn lao động thành phố Hồ Chí Minh đang thử nghiệm những phương thức mới để tổ chức công đoàn đứng ra góp phần giải quyết nhà ở cho một bộ phận công nhân viên chức có nhiều khó khăn nhất. Cuộc thử nghiệm này đang còn cần phải được hoàn thiện nhiều.

Trong 20 năm qua, 5.000 căn nhà lụp xụp đã được giải tỏa tạo chỗ ở tốt hơn cho dân nghèo; 15.000 căn nhà tình nghĩa đã được xây dựng và phân phối cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với cách mạng. Tuy vậy, số nhà lụp xụp và dựng trên kênh rạch vẫn còn tồn tại đến 67.000 căn, cao hơn số căn được ghi nhận vào năm 1977 (47.000 căn).

Với cơ chế thị trường, giá nhà, đất đô thị và giá cho thuê nhà vẫn đang tiếp tục tăng nhanh.

Có thể nói, trong nhiều năm trước mắt, giải pháp cơ bản cho vấn đề ở của dân nghèo đô thị thành phố Hồ Chí Minh (ngoài CNVC Nhà nước) vẫn là Nhà nước tạo điều kiện để người nghèo tự nâng cấp và coi nhà đơn giản hiện có của mình.

4-4. Xung quanh vấn đề giải tỏa, đền bù và tái tạo cuộc sống của các nhóm dân cư chịu tác động trực tiếp.

Việc thực hiện quy hoạch tổng thể thành phố và các chương trình phát triển kinh tế đang chạm đến nhà ở của một bộ phận dân nghèo, trước hết là số đang sống ven các kênh rạch ô nhiễm. Đứng về một mặt nào đó mà xét, thì đây là một cơ may lớn cho bà con thoát khỏi môi trường ô nhiễm triền miên đã nhiều thập niên. Song mặt khác của vấn đề là cuộc di chuyển này sẽ gây đảo lộn đến đâu khả năng tái tạo cơ chế lao động gây thu nhập của các hộ hữu quan? Thực tế là cuộc tranh luận về mức đền bù và về cơ chế thay thế nhà ở đã diễn ra dai dẳng. Một số dự án khu vực đã tạm giải quyết xong. Nhưng xem xét một cách nghiêm túc thì hiện vẫn chưa tìm ra được một cơ chế thật thỏa đáng cho vấn đề này. Chúng tôi cho rằng đây là một đêm rất đáng nghiên cứu và giải quyết sớm, để có thể hy vọng rằng sự tăng trưởng chung của thành phố sẽ không kéo theo tình trạng xáo trộn nặng nề đối với khả năng kiếm sống và mức sống của dân nghèo, *không làm tổn thương đến ngay tính bền vững của sự phát triển đô thị*.

4-5. Trên cơ sở tất cả các dữ kiện đã thu lượm được, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã *đi đến những luận điểm tổng quát* sau đây về vấn đề cải thiện nhà ở, môi trường sống của người nghèo trong bối cảnh tái cấu trúc đô thị TPHCM theo phương hướng phát triển bền vững.

Về cơ bản, quan điểm *Nhà nước tạo điều kiện dễ dàng cho dân nghèo tự nâng cấp nhà ở của họ tại chỗ*, nên được coi là quan điểm chỉ đạo then chốt cho quá trình tái cấu trúc hệ thống đô thị TPHCM. Điều này giả định *mục tiêu giảm nghèo* cho cộng đồng này sẽ trở thành mục tiêu chính yếu. Việc tổ chức chuyển cư một bộ phận dân nghèo tự nguyện đi xa thành phố *đặt trên cơ sở của các dự án*, được luận chứng đầy đủ, thận trọng và có vốn đầu tư thích đáng. Do đó, việc chi tiết hóa quy hoạch tổng thể của thành phố nên gắn chặt hơn với các khảo sát xã hội về động thái các khu vực dân nghèo thành phố.

Giải tỏa triệt để nhà lụp xụp ven kênh rạch theo dự án để mở rộng không gian cho hoạt động kinh tế, sinh hoạt văn hóa và khai thác cảnh quan trong lành của một đô thị nhiều sông nước là một hướng chính xác. Dự án giải tỏa, nạo vét kênh rạch này (cũng như các dự án giải tỏa thác sẽ còn tiếp tục tăng nhanh) nên được rà soát kỹ hơn về mặt bảo đảm tính khả thi của việc tái tạo nơi định cư mới, tái tạo việc làm, để không gây tổn thất cho thức thu nhập vốn đã thấp và bấp bênh của các hộ hữu quan. Cần có cơ chế theo dõi khả năng tái hội nhập của những hộ di chuyển đến nơi ở mới mong đó có tình hình học hành của trẻ em, điều kiện sống của phụ nữ và việc thụ hưởng các dịch vụ đô thị cơ bản).

Nhà nước chủ yếu chăm lo cải thiện các kết cấu hạ tầng quan trọng của khu nhà ở

<sup>1</sup> TPHCM đang thực hiện dự án giải tỏa trên kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

dân nghèo. Phần chi tiết sẽ do các cộng đồng và các hộ dân đảm trách. Mở rộng hệ thống tín dụng Nhà nước và khuyến khích các dạng tín dụng cộng đồng (với lãi suất thấp, cơ chế chi trả phù hợp) hướng vào việc cho vay để cải thiện nhà ở và tạo thêm việc làm. Tiếp tục thử nghiệm, hoàn thiện xây dựng nhà bán trả góp, nhà cho CNVC có thu nhập thấp.

Có chương trình từng bước trải nghiệm các khiếm khuyết về giấy tờ nhà và đất ở, về chế độ hộ khẩu cho các hộ dân nghèo, trên cơ sở xem xét từng trường hợp một, để dân chúng an tâm cải thiện nhà ở của mình.

## V. KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ : “MỨC SỐNG CỦA DÂN NGHÈO ĐÔ THỊ” TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.

1- Kết quả tổng hợp của toàn bộ cuộc nghiên cứu đã khẳng định giả thuyết của chúng tôi rằng mức thu nhập bình quân đầu người là một chỉ tiêu rất quan trọng để nghiên cứu mức sống, song sự suy diễn thẳng từ mức thu nhập sang mức sống là điều không thể chấp nhận được. Các yếu tố quan trọng khác rõ ràng đã điều chỉnh và làm tinh vi hóa hơn hình ảnh do mức thu nhập cung cấp. Các yếu tố quan trọng khác đó là :

- Số người tạo thu nhập bình quân/hộ.
- Khả năng cân đối thu chi trực tiếp hàng tháng.
- Trạng thái nhà ở và mức ô nhiễm môi trường.
- Mức độ thụ hưởng các dịch vụ đô thị cơ bản.

Chúng tôi nghĩ rằng các công trình nghiên cứu về người nghèo đô thị nói chung, cũng như hệ công cụ đánh giá hiệu quả tái tạo mức sống sau giải tỏa đô thị nói riêng, có lẽ cũng nên lưu ý đến nội dung: nhiều chiều của khái niệm mức sống như vừa nói.

2- Khi khảo người nghèo đô thị TPHCM, chúng tôi thấy tính chất động của sự biến đổi mức sống trong điều kiện nền kinh tế thị trường cần được coi là một trục khảo sát quan trọng. Sẽ ra có ý nghĩa đối với trục khảo sát này nếu chúng ta lưu ý đầy đủ đến những động thái tăng giảm thu nhập, tăng giảm số lao động tạo thu nhập và những lý do kinh tế - xã hội của sự tăng giảm đó. Những rủi ro đặc trưng cho xã hội người nghèo cũng cần được xem xét đến. Đi theo hướng khảo sát này, chúng ta có nhiều khả năng phát hiện được xem người nghèo đô thị có rơi vào nguy cơ bị "ngoại biên hóa" (bị gạt sang bên lề) về mặt hưởng dụng phúc lợi nhà ở hay không. Theo chúng tôi, nguy cơ này đang bắt đầu lộ dạng trong hiện trạng kinh tế thị trường ở TPHCM. Song nó đang được cứu vãn bởi các hoạt động tự thân cải thiện nhà ở của dân chúng. Ở những nơi có hoạt động cộng đồng tích cực, khả năng cứu vãn này đang tăng lên. Một số giải pháp Nhà nước và của tổ chức Công đoàn thành phố trên lĩnh vực này cũng đang được thử nghiệm, song còn phải chờ một thời gian nữa mới đó sự đánh giá đầy đủ được.

3- Sự gắn bó của người nghèo đô thị với khu vực kinh tế chính thức là một đặc trưng kinh tế xã hội lớn của cộng đồng dân cư này. Mức sống của họ và điều kiện nhà ở của họ phụ thuộc vào mức độ chặt chẽ của mối gắn bó. Đồng thời cũng cần nói rằng, người nghèo không phải là một gánh nặng mà là một lực lượng sản xuất cơ hữu của đời sống kinh tế đô thị. Thông qua mạng lưới hoạt động kinh tế, họ đang có đóng góp đáng kể cho sự sinh tồn và phát triển của thành phố.

4- Sự tiếp nối giữa các thế hệ trong cộng đồng dân nghèo đang in dấu lên trình độ của nguồn nhân lực TPHCM hiện nay và trong tương lai. Những dấu hiệu yếu kém và hụt hẫng về học vấn, tay nghề của các thế hệ thanh thiếu niên trong khối cư dân nghèo đang tiềm ẩn những vấn đề đáng lo ngại. Nó có thể khiến cho quá trình tái sản xuất nguồn nhân

lực ở khu vực này không đáp ứng kịp các nhu cầu phát triển của thành phố, thậm chí của ngay khu vực kinh tế phi chính thức. Bởi vì khu vực kinh tế phi chính thức của TPHCM cũng đang biến đổi và sẽ không còn là khu vực chỉ có nhu cầu hấp thụ thuần những lao động giản đơn, cơ bắp, học vấn thấp. Xét đến cùng đây cũng là một vấn đề của mức sống người nghèo trong điều kiện kinh tế thị trường ở một đô thị lớn.

### **C -Các khuyến nghị thực tiễn.**

#### **I. KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG , VIỆC LÀM.**

1- Khảo sát thấu đáo hơn để nhận dạng khu vực kinh tế phi chính thức của TPHCM; mối quan hệ giữa khu vực này với cơ chế vận hành của tổng thể đời sống kinh tế thành phố. Từ đó xác lập một cách căn bản các chính sách lao động và việc làm cho khu vực nghèo đô thị. Trước hết cần chú ý đến vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các gia đình dân nghèo liên tục cung ứng cho thị trường lao động (từ việc bảo đảm học vấn, sức khỏe cho thanh thiếu niên, đến việc mở rộng hơn nữa mạng lưới đào tạo nghề cho lớp trẻ và phụ nữ trong khu vực dân nghèo).

2- Nghiên cứu sâu hơn về hình thái tổ chức lao động trong không gian địa lý của dân nghèo đô thị để có hướng xử lý đúng đắn và mềm dẻo vấn đề quản lý trật tự đô thị, tránh gây tổn thương không đáng có đối với các hoạt động mưu sinh của người nghèo.

#### **II. KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ.**

1- Khu vực người nghèo đô thị và nhà ở của họ còn tồn tại lâu dài trong cơ cấu xã hội và cơ cấu vật lý của thành phố. Hướng xử lý chủ yếu nên chọn đối với TPHCM là tạo điều kiện cải thiện mức sống và cải thiện nhà ở *tại chỗ* cho dân nghèo, với sự nỗ lực của bản thân họ, có sự hỗ trợ có trọng điểm của Nhà nước và các hoạt động cộng đồng.

2- Nguyên tắc để quyết định giải tỏa các khu nhà ở dân nghèo trong khuôn khổ quy hoạch và chương trình phát triển kinh tế nên được hướng vào hai nội dung chính sau đây: Cân nhắc hết sức thấu đáo các mặt trước khi ra quyết định giải tỏa. Chúng tôi nhất trí với cách đặt vấn đề của ngành nhà đất TPHCM là sẽ chỉ giải tỏa khu vực không thể nào chịu đựng được nữa đối với đời sống đô thị nói chung và đối với đời sống của những cộng đồng dân nghèo có liên quan. Tuy nhiên, để giữ vững được định hướng này được sức ép của các dự án kinh tế (thường có uy lực rất lớn), cần đưa vào quy trình ra quyết định các bước xem xét và cân nhắc và *hậu quả xã hội* có thể nảy sinh do một quyết định giải tỏa gây ra.

- Bên cạnh các tiêu chí khác, hiệu quả giải tỏa phải được đo lường bằng khả năng tái tạo việc làm, ổn định đời sống, hội nhập môi trường mới của những gia đình nghèo chịu tác động trực tiếp. Phấn đấu để cho việc giải tỏa không làm chậm lại hoặc đẩy lùi tiến trình thực hiện mục tiêu "Nhà ở cho mọi người" mà Nhà nước Trung ương và chính quyền TPHCM đang hoàn thiện việc thiết kế.

3- Xử lý theo pháp luật những hình tượng chiếm cứ đất công đô thị để dựng nhà lụp xụp mới. Song, cần chiếu cố đến những đặc thù của lịch sử quần cư để giải quyết những vấn đề tồn tại trong quá khứ về chế độ sở hữu nhà và quyền sử dụng đất một cách thích đáng (thông qua các tiêu chuẩn được quy định đủ rõ ràng cho sự vận dụng của các cấp).

#### **III KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TRONG CÁC QUẦN CƯ ĐÔ THỊ CÓ ĐÔNG DÂN NGHÈO.**

1- Rút tĩa kinh nghiệm từ các dạng hoạt động cộng đồng đã bước đầu hình thành trong

khu vực dân nghèo TPHCM, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của đô thị các nước trong khu vực để chỉ đạo phát triển một cách chặt chẽ và có hệ thống những dạng hoạt động cộng đồng trong dân nghèo thành phố. Thử nghiệm đào tạo hoặc bồi dưỡng các cán sự xã hội và các tích cực viên hoạt động cộng đồng ở cơ sở, để từ đó có thêm lực lượng nòng cốt cùng kết hợp với hệ thống chính quyền và các đoàn thể xã hội trong quá trình phát triển phong cách hoạt động cộng đồng mới.

2- Hình thành chính sách xây dựng một nhánh tín dụng cho người nghèo đô thị. Khi điều kiện chín muồi, thử nghiệm xây dựng Ngân hàng cho người nghèo, để tiếp sức cho họ cải thiện nhà ở, môi trường trên cơ sở phát triển đa dạng hơn các hoạt động kinh tế của gia đình.

#### IV. KHUYẾN NGHỊ VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.

Cơ quan quản lý khoa học công nghệ và môi trường, các trường Đại học, các tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội nâng đỡ, khuyến khích các công trình nghiên cứu xã hội có hệ thống về khu vực kinh tế không chính thức, về người nghèo đô thị và nhà ở của họ, về quy luật phát triển các hoạt động cộng đồng trong môi trường dân nghèo đô thị ở Việt nam.

Khuyến khích các trao đổi kinh nghiệm và hợp tác khoa học quốc tế trên lĩnh vực nghiên cứu còn tương đối mới mẻ này.

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 -1994.*